

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

HDBank

Cam kết lợi ích cao nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020 và sửa đổi bởi Quyết định số 2240/QĐ-NHNN ngày 08/10/2024)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
(Quyết định đăng ký niêm yết số: /QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng . . . năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1 - 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 38 181 888

Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ông Phạm Văn Đẩu

Chức vụ: Giám đốc Tài chính - HDBank

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900



7/11

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020 và sửa đổi bởi Quyết định số 2240/QĐ-NHNN ngày 08/10/2024)

Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu: Trái phiếu HDBank phát hành ra công chứng năm 2023 (HDBC7Y202303) (Trái Phiếu)

Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của HDBank theo quy định hiện hành.

Mã Trái Phiếu: HDB124023

Ngày Phát Hành: 30/10/2024

Ngày Đáo Hạn: 30/10/2031

Lãi suất: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm

Trong đó, Lãi Suất Tham Chiếu, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Các Ngân Hàng Tham Chiếu bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

Kỳ hạn trả lãi: được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn 01 (một) năm liên tục từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác.

Mệnh giá: 100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu

Tổng số lượng niêm yết dự kiến: 10.000.000 (Mười triệu) Trái Phiếu

Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá dự kiến: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ Đồng)

Để nắm rõ đầy đủ toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý Nhà Đầu Tư vui lòng xem nội dung tại Bản cáo bạch Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh chào bán trái phiếu ra công chứng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chứng số 05/GCN-UBCK ngày 10/01/2024, Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch (Đợt 3) theo văn bản số 6394/UBCK-QLCB ngày 27/09/2024 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và một số thông tin cơ bản của Trái Phiếu được niêm yết tại Mục V - "TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT" của Bản Cáo Bạch này.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH PwC Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Địa chỉ: Tầng 1 - 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888

Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	10
3. Rủi ro về ngành.....	11
4. Rủi ro khác.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	
13	
1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	13
2. Tổ Chức Tư Vấn	13
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	16
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
2. Cơ cấu tổ chức và quản trị của Ngân hàng	38
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng	40
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	54
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.	55
6. Hoạt động kinh doanh.....	56
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	83
8. Vị thế của Ngân hàng so với các ngân hàng khác trong cùng ngành	91
9. Chính sách đối với người lao động.....	98
10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	99
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	101
12. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng.....	108

13. Tài sản.....	135
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	137
15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	139
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	139
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Trái Phiếu niêm yết	140
V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT	141
1. Tên Trái Phiếu	141
2. Loại Trái Phiếu	141
3. Tính chất Trái Phiếu	141
4. Mã Trái Phiếu	141
5. Mệnh giá	141
6. Tổng số lượng Trái Phiếu niêm yết dự kiến	141
7. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá dự kiến.....	141
8. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	141
9. Thời Hạn Trái Phiếu	142
10. Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại	142
11. Xếp hạng tín nhiệm.....	142
12. Mục đích phát hành Trái Phiếu.....	143
13. Nguồn thanh toán Trái Phiếu.....	143
14. Lãi suất.....	144
15. Kỳ trả lãi	144
16. Phương pháp tính giá.....	144
17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	146
18. Phương thức thực hiện quyền	147
19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết	147
20. Cam kết về bảo đảm	148



21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	148
22. Các loại thuế có liên quan.....	148
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	151
VII. PHỤ LỤC	151

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư (nếu có theo quy định của pháp luật) và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Nhà Đầu Tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này cùng với những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch trước khi đầu tư vào Trái Phiếu. Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu. Những vấn đề khác và những rủi ro khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện chưa biết đến hoặc cho là không quan trọng và không được trình bày trong Bản Cáo Bạch cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

a. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng giảm thu nhập do lãi suất huy động, lãi suất cho vay thay đổi theo thị trường và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

HDBank quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng quản lý tài sản nợ và tài sản có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả với chênh lệch lãi suất ròng (NIM) hiệu quả nhất, đồng thời hạn chế rủi ro lãi suất.

b. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với HDBank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình

không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc dịch bệnh như dịch Covid-19 gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của HDBank và đòi hỏi HDBank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng, HDBank triển khai chặt chẽ công tác quản trị rủi ro tín dụng xuyên suốt từ Hội sở đến các Đơn vị kinh doanh (ĐVKD):

- Cơ cấu tổ chức liên quan hoạt động cấp tín dụng chặt chẽ từ Phòng giao dịch đến Chi nhánh, Khu vực, Hội sở đảm bảo nguyên tắc độc lập giữa các khâu Quan hệ Khách hàng – Thẩm định – Phê duyệt – Giải ngân – Quản lý và Xử lý nợ.
- Cơ chế phê duyệt chủ yếu tập trung về Hội sở và phân quyền phê duyệt cụ thể cho các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Hệ thống sản phẩm tín dụng, quy định tín dụng, các quy trình liên quan cấp tín dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, nhằm đảm bảo thực hiện theo chuẩn mực, mẫu biểu, thời gian, trách nhiệm cụ thể.
- Thiết lập hệ thống xếp hạng tín dụng (do công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) và Hướng dẫn thẩm định tín dụng theo thông lệ quốc tế, nhằm đánh giá chính xác mức độ tin cậy và tính khả thi của phương án vay vốn của khách hàng.
- Thiết lập hệ thống các giới hạn cấp tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với một khách hàng, một nhóm khách hàng liên quan, một ngành nghề, hoặc một mục đích sử dụng vốn vay cụ thể.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát giải ngân từng khoản vay, giám sát từ xa, kiểm tra khách hàng sau cho vay, kiểm tra tại chỗ các chi nhánh ... nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro và dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của từng khách hàng, bên cạnh việc kiểm tra, định giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên.

c. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động tỷ giá đối với trạng thái ngoại hối của Ngân hàng. Trạng thái ngoại hối là chênh lệch giữa tổng tài sản có và tổng tài sản nợ của từng loại ngoại tệ/vàng, bao gồm cả các cam kết ngoại bảng tương ứng.

Để hạn chế rủi ro này, HDBank đã xây dựng quy trình kinh doanh ngoại hối thông qua ba khâu độc lập: Kinh doanh (Front) – Kiểm soát (Middle) – Hỗ trợ (Back) và thiết lập chính sách quản lý tập trung, các giao dịch với khách hàng trên hạn mức đều được thực hiện cân bằng trạng thái với Hội sở chính, cuối ngày toàn bộ trạng thái ngoại hối tại chi nhánh được chuyển về Hội sở chính. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành ban hành các hạn mức cho rủi ro ngoại

hồi phù hợp với khẩu vị rủi ro của ngân hàng như hạn mức giao dịch với đối tác trong ngày, hạn mức trạng thái cuối ngày, hạn mức dừng lỗ (stoploss) v.v.

d. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do HDBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao để thực hiện nghĩa vụ đó.

Rủi ro thanh khoản được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số tiền ngân hàng thu về (tài sản có), so với tổng số tiền ngân hàng phải chi trả (tài sản nợ), còn gọi là chênh lệch kỳ hạn thu chi. Chênh lệch này xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) người gửi tiền và/hoặc người vay tiền không thực hiện đúng thời hạn rút tiền/trả tiền; (ii) ngân hàng muốn đa dạng hóa và tối đa hóa kỳ hạn huy động, kỳ hạn cho vay dùng các khoản huy động ngắn hạn (có lãi suất thấp và luôn sẵn có) để cho vay trung dài hạn (có lãi suất cao và nguồn thường không nhiều).

HDBank quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng ALM nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ hạn nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả nhất đồng thời hạn chế rủi ro thanh khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về các chỉ số và quản lý thanh khoản của NHNN.

Bên cạnh đó, HDBank cũng đã xây dựng Kế hoạch phòng chống khủng hoảng thanh khoản, trong đó xác định các nguồn vốn dự phòng, các thủ tục và nguyên tắc thực hiện, các cấp thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời, hiệu quả.

e. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với việc phát hành thư bảo lãnh, tín dụng thư (L/C) và các cam kết cấp tín dụng khác cho khách hàng. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và/hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết nêu trên, thì HDBank buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng. Lúc đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả nợ trả thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng TMCP như HDBank.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi luật số 47/2010/QH12 và số 17/2017/QH14; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 65/2014/QH13; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. Theo đó, Quốc Hội đã thông qua Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) với 15 chương, 210 điều vào ngày 18/01/2024. Sau khi Luật các TCTD sửa đổi được ban hành, Chính phủ và NHNN đã và đang ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có HDBank trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, HDBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng và đặt việc tuân thủ lên hàng đầu trong mọi quyết định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, HDBank đã xây dựng Phòng Pháp chế thuộc Hội sở và các Phòng chính sách thuộc các Khối nghiệp vụ tại Hội sở, có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, HDBank đã thành lập các Trung tâm quản lý và hỗ trợ tín dụng, thực hiện công tác pháp lý chứng từ, nhằm tập trung kiểm soát hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. HDBank cũng đã xây dựng hệ thống biểu mẫu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

3. Rủi ro về ngành

Bên cạnh các rủi ro đặc thù đã đề cập ở trên, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng ngành. Theo đó, HDBank không chỉ chịu áp lực cạnh tranh với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối mà còn phải chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân khác, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và các công ty công nghệ tài chính (fin-tech). Ngành ngân hàng dần phải chia sẻ thị phần kinh doanh tiền tệ với các loại hình công ty mới. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít những rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

4. Rủi ro khác

Rủi ro liên quan tới Trái Phiếu

Trái Phiếu là Nợ Thứ Cấp, không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và không có bảo đảm. Quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm hiện tại và tương lai khác (không phải là chủ nợ thứ cấp) trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành (đơn vị đi vay) bị thanh lý, phá sản hoặc giải thể.

Do đó, trong trường hợp HDBank bị thanh lý, phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm hiện tại và tương lai khác của HDBank. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của HDBank.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, cụ thể:

- Trái Phiếu chỉ được HDBank mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- HDBank được ngừng trả lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi Trái Phiếu dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của HDBank bị lỗ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng Trái Phiếu sẽ được giao dịch sôi động như kỳ vọng của Tổ Chức Phát Hành. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của HDBank và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm HDBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

Lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

Việc thanh toán lãi đối với Trái Phiếu có thể bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế nếu pháp luật có yêu cầu. Nhà Đầu Tư cần nhận thức rằng pháp luật có thể yêu cầu HDBank thực hiện khấu trừ hoặc khấu lưu thuế từ khoản tiền đến hạn mà Ngân hàng phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu được áp dụng thả nổi theo công thức đã quy định. Do đó, lãi suất của Trái Phiếu có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) theo như diễn biến của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng như diễn biến thị trường trong từng giai đoạn tại thời điểm xác định lãi suất.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu do TCTD và doanh nghiệp phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với Trái Phiếu.

Bảo hiểm tiền gửi

Nhà đầu tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ bảo hiểm Tiền gửi.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HDBank.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ông Kim Byounggho	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Quốc Thanh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đầu	Chức vụ: Giám đốc tài chính
Ông Đào Duy Tường	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch niêm yết Trái Phiếu (Bản Cáo Bạch) này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ Chức Tư Vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí Thành Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu số 02/2023/HĐTVTC.HS.SHS/HDB ngày 04/08/2023 ký kết với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bất kỳ khác biệt nào trong các bảng nêu tại Bản Cáo Bạch này về các khoản tiền được liệt kê và tổng số tiền hoặc số tỷ lệ phần trăm được liệt kê và tổng phần trăm là do việc làm tròn số. Vì thế các con số về tổng cộng các hạng mục trong một số bảng có thể không là tổng số tương ứng của những con số đứng trước nó.

KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“ HDBank ”, “ Tổ Chức Phát Hành ”, “ Ngân hàng ”, “ Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ”: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	“ HNX ”: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
“ ĐHĐCĐ ”: Đại hội đồng Cổ đông	“ HĐTD ”: Hội Đồng Tín Dụng
“ HĐQT ”: Hội đồng Quản trị	“ ISO ”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
“ ATM ”: Máy rút tiền tự động	“ NHNN ”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
“ ALCO ”: Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Và Nợ Phải Trả	“ NHTM ”: Ngân hàng thương mại
“ BKS ”: Ban Kiểm soát	“ NIM ”: Biên lợi nhuận ròng
“ BCTC ”: Báo cáo tài chính	“ NPL ”: Tỷ lệ nợ xấu
“ CASA ”: Tiền gửi không kỳ hạn	“ TCTD ”: Tổ chức tín dụng
“ CAR ”: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	“ TGD ”: Tổng Giám đốc
“ CCCD ”: Căn cước công dân	“ TMCP ”: Thương mại Cổ phần
“ CMND ”: Chứng minh nhân dân	“ TNHH ”: Trách nhiệm hữu hạn
“ CNTT ”: Công nghệ Thông tin	“ TTS ”: Tổng Tài sản
“ CTCP ”: Công ty Cổ phần	“ USD ”: Đồng đô la Mỹ
“ ĐVKD ”: Đơn vị Kinh doanh	“ UBCKNN ”: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

“LNTT”: Lợi nhuận trước thuế

“UBND”: Ủy Ban Nhân Dân

“LNST”: Lợi nhuận sau thuế

“VND”: Đồng Việt Nam

“L/C”: Tín Dụng Thư (Letter Of Credit)

“VSDC”: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, tùy từng trường hợp áp dụng

“PGD”: Phòng Giao dịch

“VCSH”: Vốn Chủ sở hữu

“Sở KH&ĐT”: Sở kế hoạch và Đầu tư

“TSCĐ”: Tài sản cố định

“HĐTV”: Hội đồng Thành viên

“HNX”: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

“MTV”: Một thành viên

“HĐTD”: Hội Đồng Tín Dụng

“ESG”: Environmental (Môi trường) – Social (Xã hội) – Governance (Quản trị doanh nghiệp)

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

Tên đầy đủ bằng tiếng việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Tên viết tắt: HDBank

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank

Mã cổ phiếu: HDB

Sàn niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Logo: 
Cam kết lợi ích cao nhất

Vốn điều lệ đăng ký: 29.276.321.320.000 VND (theo Quyết định số 2240/QĐ-NHNN ngày 08/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)

Vốn điều lệ thực góp: 29.276.321.320.000 VND

Trụ sở chính: Số 25Bis, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 62 915 916

Fax: (028) 62 915 900

Website: www.hdbank.com.vn

Mã số thuế: 0300608092

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 05/09/2023

Giấy phép hoạt động: Số 00019/NH-GP do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992, được cấp đổi bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020 và sửa đổi bởi Quyết định số 2240/QĐ-NHNN ngày 08/10/2024

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Thanh - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh chính:

Lĩnh vực hoạt động của HDBank theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Hoạt động trung gian tiền tệ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.</p> <p>Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán.</p> <p>Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p> <p>Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.</p> <p>Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.</p> <p>Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</p> <p>Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</p> <p>Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.</p> <p>Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.</p> <p>Dịch vụ môi giới tiền tệ.</p> <p>Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn.</p> <p>Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo</p>	6419 (Chính)

	quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Lưu ký chứng khoán. Kinh doanh mua, bán vàng miếng. Mua nợ.	
2	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất. Ví điện tử. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.	6499
3	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.	6619
4	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép;
 - Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

- Cung ứng các phương tiện thanh toán.
- Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận.
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước: Ngân hàng được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.
- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính: Ngân hàng được vay vốn của tổ chức tín dụng khác, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Mở tài khoản:
 - Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc. Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Chi nhánh NHNN Tỉnh, Thành phố, nơi đặt trụ sở của Chi nhánh.
 - Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
 - Ngân hàng được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán:
 - Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 - Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận.
- Tham gia thị trường tiền tệ: Ngân hàng được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh:
 - Ngân hàng thương mại được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản: Ngoại hối; Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

- Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- Nghiệp vụ ủy thác và đại lý: Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN; được ủy thác và nhận ủy thác cho vay theo quy định của NHNN.
- Kinh doanh bất động sản: Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:
 - Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
 - Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
 - Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với Ngân hàng.
- Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng:
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, dịch vụ môi giới tiền tệ, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán trái phiếu với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; mua trái phiếu với mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN.
 - Hoạt động mua nợ.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/02/1989, Giấy phép thành lập và hoạt động ban đầu số 00019/NH-GP (“Giấy phép”) do NHNN cấp ngày 06/06/1992 và được thay thế bởi Giấy phép số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12/02/2020. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên.

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam với vốn điều lệ đạt hơn 29.276 tỷ Đồng. Tại ngày 30/09/2024, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 văn phòng đại diện khu vực miền Bắc và 01 văn phòng đại diện của HDBank tại Myanmar), 82 Chi nhánh, 277 Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 30/09/2024 là 18.144 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 1989

- ✦ HDBank được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1992

- ✦ HDBank nhận giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP ngày 06/06/1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.

Năm 2010

- ✦ HDBank tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng theo công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN Việt Nam cấp.
- ✦ HDBank thực hiện việc phát hành thẻ và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.

Năm 2011

- ✦ Ngày 19/09/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp quyết định chấp thuận sửa đổi tên Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh thành “Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”.
- ✦ HDBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2013

- ✦ Mua lại 100% vốn Công ty SGVF của Tập đoàn Société Générale (Pháp) để trở thành công ty con của HDBank mang tên HDFinance.
- ✦ Sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank) vào HDBank, tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng.

Năm 2015

- ✦ HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co., Ltd. (Nhật Bản) và 1% vốn điều lệ cho Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và thay đổi tên thành HD Saison.

Năm 2016

- ✦ HDBank được Moody's xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài

Năm 2017

- ✦ Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 8.829 tỷ đồng thông

Năm 2018

- ✦ Ngân hàng chính thức niêm yết trên Sở giao dịch

hạn ở mức B2 với triển vọng ổn định.

qua hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức 7% và cổ phiếu thưởng 2% cho cổ đông hiện hữu.

chứng khoán TP HCM (HOSE) với mã HDB và nằm trong nhóm 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE.

⚡ Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 9.810 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

⚡ Moody's công bố nâng bậc xếp hạng tiền gửi dài hạn (nội và ngoại tệ), xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) và đánh giá rủi ro đối tác (CRA) của HDBank lên B1, triển vọng Ổn định.

Năm 2019

⚡ HDBank đánh dấu cột mốc kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ngân hàng với văn phòng đại diện đầu tiên tại Myanmar, đóng góp những hiệu quả thiết thực vào hoạt động đầu tư, giao thương giữa hai quốc gia, đồng thời quảng bá thương hiệu HDBank ra thị trường quốc tế.

⚡ Ngân hàng chính thức được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho HDBank áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (“Thông tư 41”) (Basel II) từ ngày 01/10/2019.

Năm 2022

⚡ Kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay, gia nhập câu lạc bộ ngân hàng có lợi nhuận trước thuế vượt 10 nghìn tỷ đồng.

⚡ Là một trong bốn ngân hàng lành mạnh được Chính phủ,

Năm 2020

⚡ Tăng vốn điều lệ lên hơn 16.088 tỷ đồng.

⚡ Phát hành thành công 160 triệu USD trái phiếu quốc tế - là tổ chức tín dụng có khối lượng phát hành thành công lớn nhất trong năm.

Năm 2023

⚡ Năm 2023 HDBank đã hoàn thành triển khai toàn diện lên Basel III Reforms, khẳng định nền tảng quản trị rủi ro vững chắc của HDBank trong hoạt động, đáp ứng các chuẩn mực

Năm 2021

⚡ Tăng vốn điều lệ lên hơn 20.073 tỷ đồng.

⚡ Phát hành thành công 165 triệu USD trái phiếu quốc tế.

⚡ Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Moody's nâng triển vọng xếp hạng HDBank từ Ổn định lên Tích cực.

Năm 2024

⚡ Sau 9 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận trước thuế của HDBank đạt 12.655 tỷ đồng, tăng 46,6% so với cùng kỳ do tăng cường hiệu quả hoạt động và áp dụng các sáng kiến chuyên

Ngân hàng Nhà nước tin tưởng lựa chọn tham gia Đề án tái cơ cấu hệ thống Ngân hàng Thương mại.

- ✦ Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.

quốc tế, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các chỉ số an toàn hoạt động tại 31/12/2023 của HDBank đều tốt đáng kể so với quy định của NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất đạt 12,6%, thuộc nhóm dẫn đầu trên thị trường và cao hơn trên 50% so với mức quy định tối thiểu 8%.

- ✦ Kết thúc ngày 31/12/2023, Lợi nhuận sau thuế của HDBank đạt 10.336 tỷ đồng, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt mức tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay về lợi nhuận.
- ✦ Tổng tài sản của HDBank đạt 602.315 tỷ đồng, tăng 44,7% so với năm 2022. Tăng gần 10 lần qua 10 năm tăng trưởng.

đổi kỹ thuật số của HDBank.

- ✦ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 26,7%, ROA đạt 2,2% trong nhóm dẫn đầu toàn ngành.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

HDBank được thành lập năm 1989 với vốn điều lệ là 3.000.000.000 VND. Trải qua các lần tăng vốn, Ngân hàng đã nâng số vốn điều lệ thực góp lên 29.276.321.320.000 VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày dưới đây:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của
Bản Cáo Bạch]*



Handwritten mark

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023



Bảng 1: Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ kể từ khi thành lập

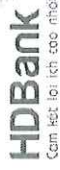
STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 02/1989	3.000.000.000	3.000.000.000	Thành lập	-	- Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh V/v thành lập Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Tháng 06/1992	2.000.000.000	5.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	200.000	- Quyết định số 102/QĐ-NH5 ngày 06/06/1992 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước V/v cấp Giấy phép hoạt động cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh. - Giấy phép hoạt động số 00019/NH-GP ngày 06/06/1992 của Ngân hàng nhà nước. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 do Trọng tài Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992.
3	Tháng 10/1993	5.008.000.000	10.008.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	500.800	- Quyết định số 199/QĐ-NH5 ngày 23/10/1993 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước V/v chuẩn y vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 do Trọng tài Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/11/1993.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
4	Tháng 04/1994	11.608.000.000	21.616.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	1.160.800	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 71/QĐ-NH5 ngày 18/4/1994 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước V/v chuẩn y vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 do Trọng tài Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/05/1994.
5	Tháng 01/1998	20.458.000.000	42.074.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	2.045.800	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 50/1998/QĐ-NHNN5 ngày 22/01/1998 của Thống đốc NHNN V/v chuẩn y vốn điều lệ.
6	Tháng 08/1998	7.652.000.000	49.726.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	765.200	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 291/1998/QĐ-NHNN5 ngày 27/08/1998 của Thống đốc NHNN V/v chuẩn y vốn điều lệ.
7	Tháng 02/1999	10.000.000.000	59.726.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	1.000.000	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 61/1999/QĐ-NHNN5 ngày 20/02/1999 của Thống đốc NHNN V/v chuẩn y vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 do Trọng tài Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/03/1999.
8	Tháng 06/2002	10.300.000.000	70.026.000.000	Phát hành riêng lẻ	1.030.000	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2002 ngày 28/03/2002.

HDB12.4023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023



STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
9	Tháng 12/2004	79.997.000.000	150.023.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	7.999.700	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 677/NHTP.2002 ngày 12/06/2002 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/07/2002. - Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2003 ngày 27/03/2004. - Công văn số 2088/NHNN-HCM 02 ngày 10/12/2004 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 5, do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2004.
10	Tháng 08/2005	50.236.000.000	200.259.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	5.023.600	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2004 ngày 09/04/2005. - Công văn số 1748/NHNN-HCM.02 ngày 12/08/2005 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 7, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/08/2005.

HDB124023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

HDBank

Cơm hạt lách lịch gạo nhất

STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
11	Tháng 12/2005	99.741.000.000	300.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	9.974.100	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2004 ngày 09/04/2005. - Công văn số 2446/NHNN-HCM.02 ngày 27/12/2005 của NHNN - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 8, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2005.
12	Tháng 12/2006	200.000.000.000	500.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	20.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 ngày 08/04/2006. - Công văn số 1779/NHNN-HCM.02 ngày 19/12/2006 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi vốn điều lệ. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 9, do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2006.
13	Tháng 01/2008	500.000.000.000	1.000.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cán bộ công nhân viên	50.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 33/NQ-ĐHCĐ ngày 04/06/2007. - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2007 số 48/NQ-ĐHCĐ ngày 20/09/2007. - Công văn số 931/NHNN-HCM02 ngày 25/06/2007 của NHNN - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ.

HDB12.4023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023



STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 221/UBCK-GCN ngày 21/11/2007 do UBCKNN cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 10, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2008. Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2007 ngày 22/03/2008. Công văn số 1682/NHNN-HCM02 ngày 25/09/2008 của NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh V/v thay đổi mức vốn điều lệ. Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng số 338/UBCK-GCN ngày 3/10/2008 do UBCKNN cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059025 đăng ký thay đổi lần thứ 11, do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/2008.
14	Tháng 10/2008	550.000.000.000	1.550.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cán bộ công nhân viên	55.000.000	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 05/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2010 V/v thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2010 của HDBank. Công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ. Giấy chứng nhận chào bán số 687/UBCK-GCN ngày 24/9/2010 do UBCKNN cấp.
15	Tháng 08/2010	450.000.000.000	2.000.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	45.000.000	

HDB124023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
16	Tháng 01/2011	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cán bộ công nhân viên	100.000.000	<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 01/12/2010. Nghị quyết số 05/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2010 V/v thông qua phương án tăng vốn Điều lệ năm 2010 của HDBank. Công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ. Giấy chứng nhận chào bán số 687/UBCK-GCN ngày 24/9/2010 do UBCKNN cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 04/01/2011.
17	Tháng 06/2012	2.000.000.000.000	5.000.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cán bộ công nhân viên	200.000.000	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 20/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2011 V/v thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn Điều lệ năm 2011. Công văn số 9657/NHNN-TTGSNH ngày 16/12/2011 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ. Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 08/GCN-UBCK ngày 13/02/2012 do UBCKNN cấp.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023



STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
18	Tháng 12/2013	3.100.000.000.000	8.100.000.000.000	Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đại Á để sáp nhập	310.000.000	<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 13/06/2012. Nghị quyết số 24/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/09/2013 V/v thông qua việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định số 2687/QĐ-NHNN ngày 18/11/2013 V/v sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á vào Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định số 3101/QĐ-NHNN ngày 31/12/2013 v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu hoán đổi số 74/GCN-UBCK ngày 10/12/2013 do UBCKNN cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 23, ngày 21/01/2014.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

HDBank

Cầm Hết Lợi Ích 100% Nhất

STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
19	Tháng 10/2017	728.999.810.000	8.828.999.810.000	Thương cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Trả cổ tức bằng cổ phiếu	72.899.981	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 22/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2017 V/v thông qua việc tăng vốn Điều lệ HDBank. - Công văn số 8412/NHNN-TTGSNH ngày 17/10/2017 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ của HDBank. - Công văn số 6977/UBCK-QLCB ngày 18/10/2017 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 25, ngày 19/10/2017.
20	Tháng 12/2017	980.999.980.000	9.809.999.790.000	Phát hành riêng lẻ	98.099.998	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 24/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2017 V/v thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn Điều lệ. - Công văn số 9997/NHNN-TTGSNH ngày 07/12/2017 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ của HDBank. - Công văn số 8315/UBCK-QLCB ngày 08/12/2017 của UBCKNN V/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

HDB124023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

HDBank

Cơ sở kết nối lịch vào nhất

STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 26, ngày 11/12/2017.
21	Tháng 10/2020	2.897.763.860.000	12.707.763.650.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu	289.776.386	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2020 về Phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu và Phát hành cổ phiếu thưởng để tăng Vốn Điều lệ năm 2020. Công văn số 5440/NHNN-TTGSNH ngày 28/07/2020 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ. Công văn số 5356/UBCK-QLCB ngày 01/09/2020 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của HDBank. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 28, ngày 02/11/2020.
22	Tháng 12/2020	3.380.724.530.000	16.088.488.180.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	338.072.453	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2020 về Phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng để tăng Vốn Điều lệ năm 2020. Công văn số 8147/NHNN-TTGSNH ngày 09/11/2020 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ.

HDB124023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

HDBank

Cầm kết lại lịch cổ phiếu

STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 6790/UBCK-QLCB ngày 13/11/2020 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDBank. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 29, ngày 24/12/2020. - Nghị quyết số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 về Phương án tăng Vốn Điều lệ năm 2021. - Công văn số 4808/NHNN-TTGSNH ngày 02/07/2021 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ năm 2021. - Công văn số 3626/UBCK-QLCB ngày 15/07/2021 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDB. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 30, ngày 27/10/2021.
23	Tháng 10/2021	3.984.418.240.000	20.072.906.420.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	398.441.824	
24	Tháng 07/2022	200.000.000.000	20.272.906.420.000	Phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên	20.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 07/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 về Phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động.

HDB124023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

HDBank

Cơm kết lợi ích cao nhất

STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 18/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/09/2021 về Phương án tăng Vốn Điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu cho người lao động. - Công văn số 8570/NHNN-TTGSNH ngày 06/12/2021 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ năm 2021. - Công văn số 8864/UBCK-QLCB ngày 24/12/2021 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của HDBank. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 31, ngày 08/07/2022.
25	Tháng 11/2022	5.030.522.800.000	25.303.429.220.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	503.052.280	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 về Phương án tăng Vốn Điều lệ năm 2022. - Công văn số 5458/NHNN-TTGSNH ngày 08/08/2022 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ năm 2022. - Công văn số 6095/UBCK-QLCB ngày 13/09/2022 của UBCKNN V/v báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDB.

HDB124023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023



Cơm hạt lợi ích cao nhất

STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
26	Tháng 09/2023	3.772.892.100.000	29.076.321.320.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	377.289.210	<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 32, ngày 02/11/2022. Nghị quyết số 07/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 về Phương án tăng Vốn Điều lệ năm 2023. Công văn số 4279/NHNN-TTGSNH ngày 05/06/2023 của NHNN V/v tăng vốn điều lệ năm 2023. Công văn số 3844/UBCK-QLCB ngày 20/06/2023 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HDB. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300608092 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh thay đổi lần 33, ngày 05/09/2023.
27	Tháng 10/2024	200.000.000.000	29.276.321.320.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	20.000.000	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết số 07/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 về Phương án tăng Vốn Điều lệ năm 2023. Công văn số 9252/NHNN-TTGSNH ngày 01/12/2023 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ. Công văn số 879/UBCK-QLCB ngày 05/02/2024 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động.

HDB124023

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2023

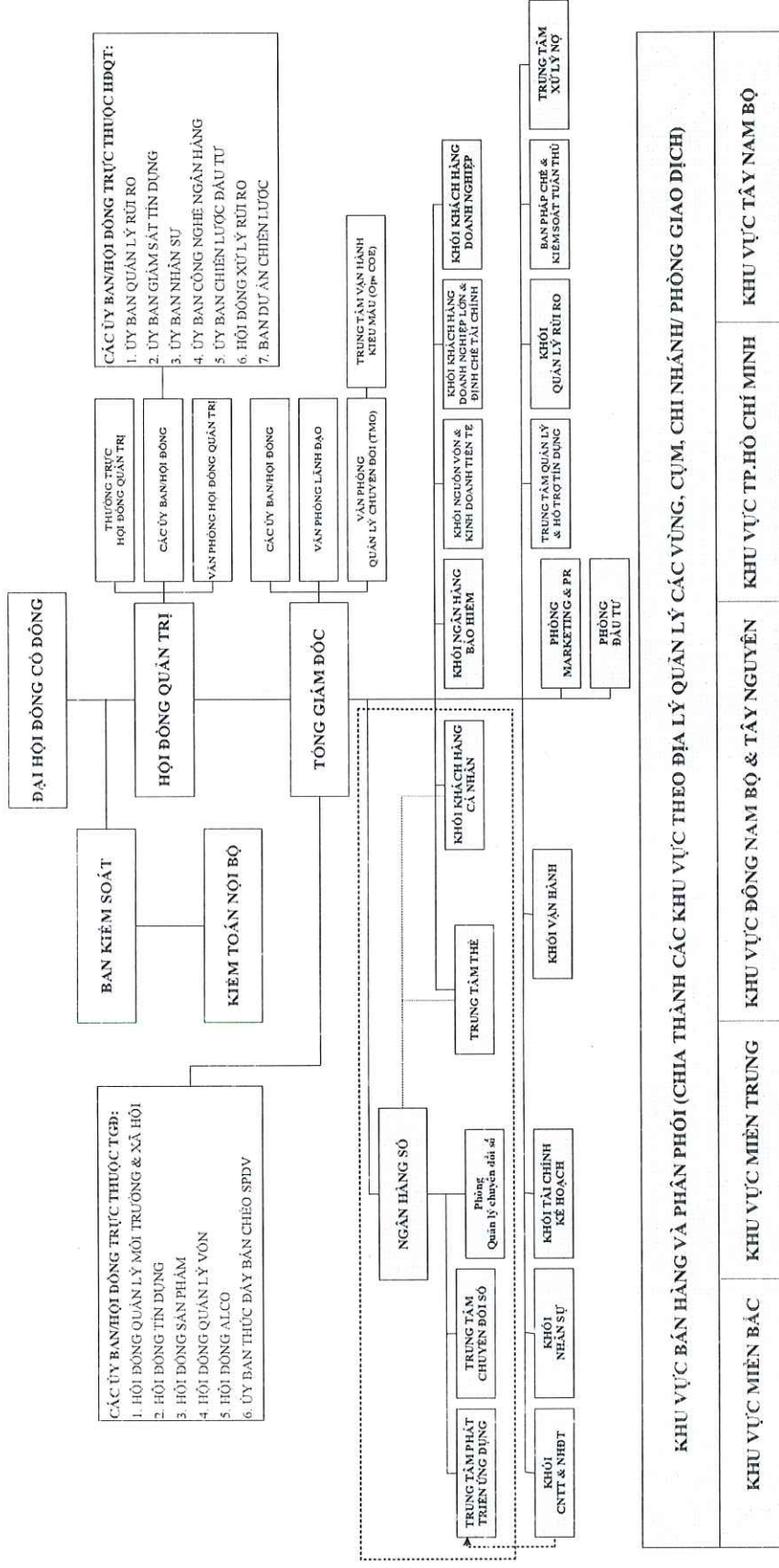
STT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
						- Quyết định số 2240/QĐ-NHNN ngày 08/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Người: HDBank

[Phần còn lại của trang này được có ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Báo Bạch]

2. Cơ cấu tổ chức và quản trị của Ngân hàng

Hình 1: Cơ cấu tổ chức và quản trị của HDBank



HDBank có 10 Khối, 04 Phòng/Ban và 05 Trung tâm chức năng:

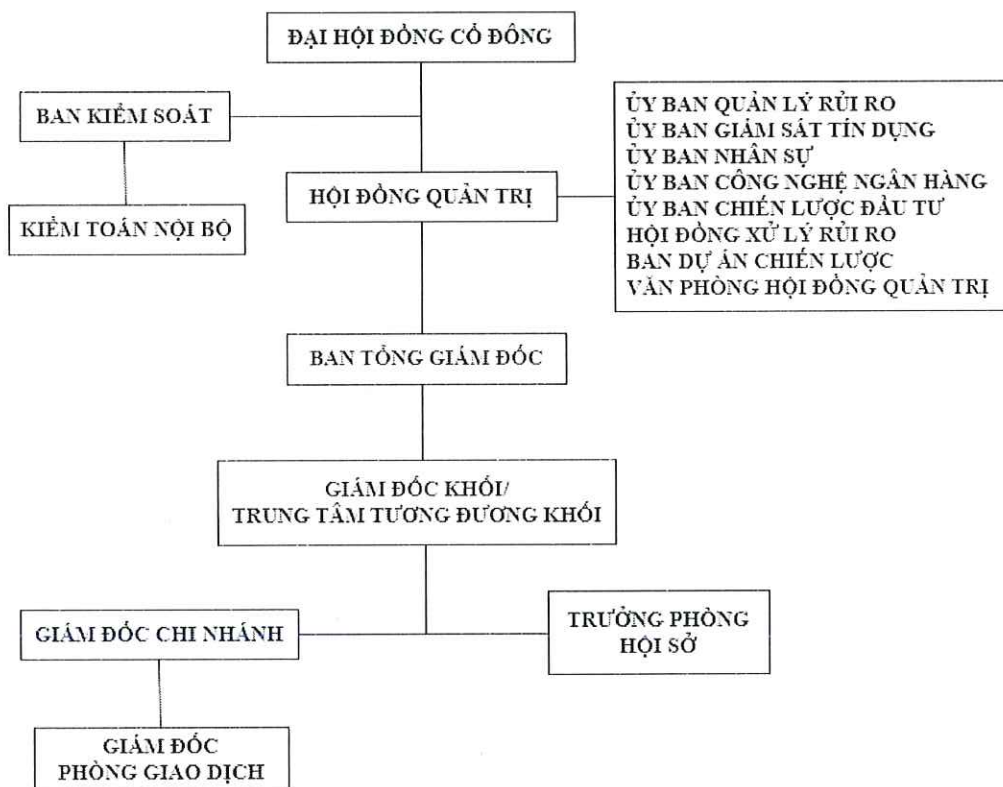
- Khối Ngân hàng bảo hiểm;
- Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ;
- Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn và Định chế tài chính;
- Khối Khách hàng Doanh nghiệp;
- Khối Khách hàng Cá nhân;
- Khối Nhân sự;
- Khối Vận hành;
- Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử;
- Khối Quản lý rủi ro;
- Khối Tài chính Kế hoạch;
- Phòng Đầu tư;
- Phòng Marketing & PR;
- Phòng Quản lý chuyển đổi số;
- Ban Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ;
- Trung tâm Phát triển ứng dụng;
- Trung tâm Chuyển đổi số;
- Trung tâm Thẻ;
- Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ tín dụng;
- Trung tâm Xử lý nợ.

Các Khối thuộc sự điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối. Mỗi Khối chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ Khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban giữa các khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Khu vực Tây Nam Bộ.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của HDBank



Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCD gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng. ĐHĐCD có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức được trả sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập theo đề xuất, kiến nghị của BKS và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này làm tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc độc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Hội Đồng Quản Trị

HĐQT là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng;
- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ của Ngân hàng. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên ĐHĐCĐ;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch ngân sách, kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, kế hoạch lao động và tiền lương hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác. Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các TCTD và thông qua các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 của Luật

các TCTD, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan;

- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;
- Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ;
- Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- Giám sát phê duyệt tín dụng trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ;
- Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;
- Xem xét, phê duyệt Báo cáo thường niên;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ;
- Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của Ngân hàng theo nghị quyết/quyết định mua lại cổ phần đã được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan;

- Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được phê duyệt;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con của Ngân hàng;
- Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).

Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền và/hoặc giao cho Người điều hành Ngân hàng hoặc nhân viên cấp dưới thực hiện, xử lý một hoặc một số công việc cụ thể để triển khai và thực hiện một vấn đề mà HĐQT đã thông qua.

Ban Kiểm Soát

BKS là cơ quan đại diện cho cổ đông, có trách nhiệm như sau:

- BKS thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;

- Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của HDBank về kế toán và báo cáo. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ;
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS;
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định các báo cáo này, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng;
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng;
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây: theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra đang thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này trong Điều lệ không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

- Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu 01% Vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được hoặc và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 9 Phó Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

Giám đốc tài chính tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác phân bổ nguồn vốn và đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của Ngân hàng.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT;

- Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, quy chế/quy định quản lý nội bộ của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền;
 - Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;
 - Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;
 - Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền (kể cả Người quản lý ngân hàng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc);
 - Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng và các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng có giá trị dưới 10% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng;
 - Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy chế/quy định nội bộ của Ngân hàng, các quyết định của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.
- **Các Ủy ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc Tổng Giám đốc.
 - **Các Hội đồng:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT hoặc Tổng Giám đốc trong các vấn đề do từng Hội đồng phụ trách.
 - **Khối Ngân hàng Bảo hiểm**
 - Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển khách hàng, quan hệ đối tác và các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm một cách toàn diện, phù hợp với sự tăng trưởng về quy mô của Khối và sự phát triển của thị trường bảo hiểm.
 - Ban hành các quy định, quy trình, chính sách và quản lý việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến bảo hiểm.
 - Triển khai toàn bộ các hoạt động kinh doanh, phối hợp với các Khối để phát triển dịch vụ theo đúng định hướng và chiến lược, đảm bảo đạt được chỉ tiêu về tài chính/phi tài chính và tiết kiệm chi phí cho ngân hàng.
 - Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên toàn hệ thống Ngân hàng, đảm bảo vận hành đúng quy định của HDBank và các quy định của pháp luật.
 - Là đầu mối để xử lý hoặc báo cáo lãnh đạo cấp cao hơn để có ý kiến chỉ đạo đối với các sự kiện tranh chấp, khiếu kiện (nếu phát sinh).
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.

▪ Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ

- Tham mưu về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường bao gồm phân tích, đánh giá và dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và dự báo thị trường từng thời kỳ cho Ban điều hành.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai đến từng Trung tâm/Phòng ban thuộc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ thực hiện.
- Đại diện ngân hàng tham gia trực tiếp trên các thị trường nguồn vốn, tiền tệ, ngoại hối, thị trường vốn để thực hiện các giao dịch với các đối tác thị trường.
- Thực hiện giao dịch kinh doanh ngoại hối, giấy tờ có giá, công cụ nợ chính phủ và các sản phẩm phái sinh nhằm tìm kiếm lợi nhuận.
- Thực hiện phát hành Giấy tờ có giá để huy động vốn cho HDBank.
- Thực hiện các giao dịch vốn với các Định chế tài chính trong nước và thị trường quốc tế.
- Thực hiện quản lý, xây dựng, triển khai bán các sản phẩm ngoại hối và phái sinh tại các đơn vị kinh doanh trong toàn hệ thống.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.

▪ Khối Khách hàng Doanh nghiệp Lớn và Định chế Tài chính

- Tham mưu cho Ban điều hành và thực hiện việc tiếp thị, quản lý, phát triển và duy trì khách hàng doanh nghiệp lớn (định nghĩa theo quy mô doanh thu của doanh nghiệp) trong các lĩnh vực huy động vốn, cấp tín dụng, hợp tác đầu tư và các dịch vụ ngân hàng khác.
- Phát triển quan hệ khách hàng với các định chế tài chính: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Tổ chức Tài chính Quốc tế... để khai thác các nguồn vốn theo hình thức ủy thác, cho vay lại...và bán chéo sản phẩm.
- Nghiên cứu, thiết kế và phát triển sản phẩm, dịch vụ; đào tạo và hướng dẫn cho đơn vị trong việc triển khai cung ứng sản phẩm, dịch vụ; hoạch định và theo dõi kết quả kinh doanh của các sản phẩm, dịch vụ.
- Hỗ trợ các Đơn vị kinh doanh bao gồm cả việc phát triển sản phẩm và mạng lưới khách hàng.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.

▪ Khối Khách hàng Doanh nghiệp

- Tham mưu cho Ban điều hành và nghiên cứu, xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển các sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối đối với Khách hàng Doanh nghiệp (vừa và nhỏ) trong toàn hệ thống.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện đến từng đơn vị trong toàn hệ thống.
- Tư vấn, cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc, khiếu nại của khách hàng doanh nghiệp về các sản phẩm, dịch vụ khách hàng doanh nghiệp của HDBank qua các kênh phụ trách, qua các hình thức liên lạc của khách hàng.

- Tham gia cùng các Đơn vị trong hệ thống cho các dự án cải tiến chất lượng, sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp.
 - Thực hiện thẩm định và tái thẩm định để xét cấp tín dụng cho Khách hàng Doanh nghiệp trong toàn hệ thống.
 - Thực hiện các báo cáo, phân tích liên quan đến hoạt động của toàn bộ dịch vụ khách hàng doanh nghiệp thuộc phạm vi Khối quản lý.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Khách hàng Cá nhân**
- Nghiên cứu, xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển các sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối đối với Khách hàng Cá nhân trong toàn hệ thống.
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện đến từng đơn vị trong toàn hệ thống.
 - Thực hiện thẩm định và tái thẩm định để xét cấp tín dụng cho Khách hàng Cá nhân trong toàn hệ thống.
 - Đầu mối tiếp nhận kiến nghị, đề xuất của đơn vị kinh doanh liên quan đến quy trình, chính sách, sản phẩm bán lẻ... đến các đơn vị liên quan và các cấp lãnh đạo.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Chuyển đổi số**
- Xây dựng năng lực số và kỹ năng chuyên môn trong HDBank: Phân tích dữ liệu, Tuyên bố giá trị số, Chuyển đổi, Sản phẩm số.
 - Phối hợp với các đơn vị thành viên trong tập đoàn Sovico để cùng triển khai các sáng kiến số hóa.
 - Nghiên cứu và xác định nhu cầu của khách hàng để đúc kết và phát triển sản phẩm số phù hợp.
 - Xây dựng các dự phóng về sản phẩm, định giá chi phí dịch vụ để ban hành chính sách phù hợp với sản phẩm nhằm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
 - Lấy khách hàng làm trọng tâm để thiết kế, triển khai và chịu trách nhiệm về các sáng kiến số hóa, bao gồm: Số hóa hành trình khách hàng, các kênh số (di động, trực tuyến), các sản phẩm số theo lĩnh vực kinh doanh.
 - Thực hiện các chương trình truyền thông sản phẩm thông qua các kênh số và giám sát kết quả truyền thông số để đảm bảo hiệu quả của sản phẩm.
 - Thiết lập và duy trì các quan hệ đối tác, phối hợp xây dựng các chính sách bán hàng theo khối, chuỗi để đảm bảo hiệu quả.

- Phối hợp với Trung tâm phát triển ứng dụng để xây dựng sản phẩm số và đưa vào phát triển kinh doanh, phân tích kết quả kinh doanh sản phẩm số để có các chương trình thúc đẩy kinh doanh phù hợp.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Phòng Quản lý chuyển đổi số**
 - Duy trì và triển khai chiến lược số của HDBank, đảm bảo nguồn kinh phí ổn định cho dự án.
 - Triển khai phương thức làm việc linh hoạt để đảm bảo việc triển khai sáng kiến số hóa nhanh chóng và phù hợp với thực tiễn.
 - Công nghệ quản lý dự án.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Nhân sự**
 - Tham mưu cho Ban điều hành trong việc hoạch định cơ cấu tổ chức của HDBank.
 - Tham mưu cho Ban điều hành trong việc xây dựng, ban hành các chính sách, kế hoạch về quản lý và phát triển nguồn nhân lực, chính sách đãi ngộ cho Cán bộ nhân viên.
 - Thực hiện công tác quản lý nhân sự, tiền lương và phúc lợi cho người lao động làm việc tại HDBank.
 - Hoạch định và khai thác nguồn nhân lực, thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự.
 - Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nhân sự.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Phòng Đầu tư**
 - Thực hiện hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.
 - Xây dựng kế hoạch và chương trình hành động hàng năm để đảm bảo thực hiện đúng chiến lược kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp do Ban điều hành giao.
 - Hỗ trợ tư vấn nghiệp vụ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cho Đơn vị kinh doanh (ĐVKD).
 - Tham gia quản trị, quản lý doanh nghiệp nhận góp vốn theo đề cử của Ngân hàng.
 - Hỗ trợ Đơn vị kinh doanh định giá cổ phiếu để cấp tín dụng cho khách hàng.
 - Hỗ trợ Khối Khách hàng doanh nghiệp/Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn & Định chế tài chính liên quan đến các dự án (trong phạm vi nghiệp vụ Phòng Đầu tư) như: xây dựng chính sách, quy định, quy trình đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ liên quan đến chứng khoán.
 - Tham mưu xây dựng các phương án mua bán, sát nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp mà HDBank tham gia.

- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Phòng Marketing & PR**
 - Tham mưu, xây dựng kế hoạch, chiến lược tổng thể phát triển thương hiệu, định vị thương hiệu của HDBank trên thị trường trong nước và quốc tế.
 - Xây dựng các kế hoạch, chương trình và thực hiện các kế hoạch quảng cáo nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm dịch vụ của HDBank đến khách hàng.
 - Tổ chức PR, các sự kiện, truyền thông cho toàn hệ thống HDBank.
 - Quản lý và thực thi các chiến dịch marketing ngắn hạn, dài hạn cho các khối kinh doanh.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Thẻ**
 - Tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc hoạch định chính sách, kế hoạch, giải pháp phát triển kinh doanh dịch vụ thẻ.
 - Nghiên cứu phát triển hệ thống kênh chấp nhận thẻ và các sản phẩm dịch vụ thẻ.
 - Nghiên cứu xây dựng các chương trình marketing cá sản phẩm thẻ.
 - Tổ chức quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ đơn vị kinh doanh trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ thẻ, hỗ trợ và chăm sóc khách hàng sử dụng dịch vụ thẻ toàn hệ thống.
 - Quản lý và vận hành hoạt động kinh doanh thẻ toàn hệ thống.
 - Xử lý, thu hồi nợ, cảnh báo rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Vận hành**
 - Quản lý dịch vụ khách hàng và ngân quỹ.
 - Quản lý, tổ chức các nghiệp vụ thanh toán trong nước và quốc tế của HDBank.
 - Thực hiện công tác thẩm định giá: tham mưu cho Ban điều hành xây dựng chính sách, quy định, quy trình về giá, trực tiếp tham gia định giá tài sản đảm bảo.
 - Quản lý công tác hành chính, quản trị, lễ tân, mua sắm, xây dựng cơ bản.
 - Định hướng, xây dựng, triển khai, hỗ trợ và quản lý các hoạt động quản lý chất lượng liên quan đến khách hàng bên ngoài và khách hàng nội bộ của toàn ngân hàng.
 - Xây dựng và phát triển mạng lưới.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.

▪ Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ tín dụng

Trung tâm Quản lý và hỗ trợ tín dụng là đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm xử lý nghiệp vụ Quản lý và hỗ trợ tín dụng (sau khi có quyết định cấp tín dụng) cho tất cả các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống của HDBank (trừ các hồ sơ thuộc thẩm quyền của Đơn vị kinh doanh), thực hiện các chức năng chính sau:

- Là Trung tâm xử lý tập trung công tác hỗ trợ tín dụng toàn hệ thống, soạn thảo Hợp đồng, các văn bản có liên quan, Ký kết và thực hiện các thủ tục bảo đảm tiền vay (Công chứng, đăng ký Biện pháp bảo đảm, phong tỏa ...), Quản lý tập trung tài sản bảo đảm.
- Thực hiện các thủ tục để chiết khấu, xác nhận phát hành L/C, phát hành Thư bảo lãnh, giải ngân... theo đúng các điều kiện của Quyết định cấp tín dụng và quy định của HDBank, thực hiện một số công việc quản lý khoản cấp tín dụng sau giải ngân, phát hành bảo lãnh/LC.....
- Xây dựng các quy định, quy trình, cẩm nang hướng dẫn, tư vấn về nghiệp vụ quản lý và hỗ trợ tín dụng.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiệp vụ quản lý và hỗ trợ tín dụng của các Phòng thuộc Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ Tín dụng và các Đơn vị kinh doanh.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.

▪ Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử

- Vận hành và khai thác các phần mềm ứng dụng Corebanking.
- Vận hành và giám sát toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin.
- Phân tích, khai thác và mô tả các yêu cầu về xây dựng, liên kết, hợp tác các ứng dụng phần mềm trong và ngoài hệ thống HDBank, đối với các đối tác nội bộ và bên ngoài.
- Công tác quản trị mạng, dịch vụ hệ thống mạng, an toàn và bảo mật thông tin.
- Đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống mạng toàn hệ thống.
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.

▪ Trung tâm phát triển ứng dụng

- Phát triển sản phẩm trên nền tảng Core Banking.
- Phát triển và tự động hóa các quy trình vận hành và kinh doanh.
- Phát triển sản phẩm ngân hàng điện tử.
- Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới vào các hệ thống CNTT để cải tiến chất lượng phục vụ của các hệ thống CNTT.
- Tổ chức đào tạo và phối hợp xây dựng hướng dẫn, cẩm nang sử dụng đầy đủ cho các ứng dụng CNTT.

- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Trung tâm Xử lý nợ**
 - Thực hiện chức năng giám sát nợ: Theo dõi và cảnh báo nợ; Đốc thúc nợ quá hạn từ 01 đến 60 ngày; Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình nợ toàn hệ thống.
 - Thực hiện chức năng quản lý nợ
 - Tiếp nhận khoản nợ quá hạn 61 ngày trở lên hoặc khoản nợ tuy chưa quá hạn đến 61 ngày nhưng cần phải thực hiện phân luồng sớm.
 - Báo cáo tình hình quản lý nợ phát sinh tại đơn vị.
 - Phân tích, đánh giá, đề xuất phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Theo dõi, giám sát và đôn đốc ĐVKD hoặc các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp xử lý nợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - Thực hiện chức năng xử lý nợ: Thực hiện chức năng xử lý nợ cụ thể đối với các hồ sơ nợ xấu, tham gia tố tụng, thực hiện biện pháp thu giữ TSBĐ... theo phương án xử lý nợ đã được phê duyệt.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khối Quản lý rủi ro**
 - Tham mưu xây dựng và triển khai các chính sách về quản lý rủi ro của HDBank, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hệ thống các quy định, các giới hạn, định mức phê duyệt về cấp tín dụng, về tài sản bảo đảm, chính sách phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng, giới hạn của danh mục cấp tín dụng, hệ thống thông tin, dữ liệu, công cụ, mô hình đo lường rủi ro tín dụng.
 - Giám sát, cảnh báo về quản lý rủi ro, các vi phạm giới hạn nội bộ và pháp luật.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Ban Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ**
 - Tham mưu Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc xây dựng và ban hành các văn bản định chế, các sản phẩm kinh doanh và các mẫu biểu của HDBank theo quy định của pháp luật.
 - Rà soát các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ của HDBank và đề xuất Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ kịp thời sửa đổi, bổ sung để đảm bảo và phù hợp với những thay đổi của quy định pháp luật, quy định của NHNN, quy định và chính sách của HDBank.
 - Tư vấn pháp lý cho các hoạt động của các Khối, Đơn vị trong toàn hệ thống HDBank nhằm đảm bảo tính hợp pháp và an toàn trong hoạt động của HDBank.

- Kiểm soát tính pháp lý đối với các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, biểu mẫu văn bản giao dịch khi HDBank ký kết hoặc ban hành nhằm đảm bảo quyền lợi cho HDBank và tuân thủ pháp luật.
 - Chịu trách nhiệm trong công tác kiểm soát tuân thủ của hệ thống.
 - Thực hiện nhiệm vụ trong công tác quản lý, theo dõi hoạt động phòng chống rửa tiền.
 - Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm tra, để đánh giá mức độ tuân thủ thực hiện chỉnh sửa, khắc phục các vấn đề vi phạm tuân thủ đã được phát hiện của Đơn vị.
 - Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các Cơ quan hữu quan đối với các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Kiểm soát tuân thủ.
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.
- **Khôi Tài chính kế hoạch**
- Tham mưu cho Ban điều hành, xây dựng các tiêu chí, lập kế hoạch phát triển kinh doanh của Ngân hàng.
 - Theo dõi tình hình hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, phân tích, đánh giá đo lường kết quả kinh doanh.
 - Tổng hợp số liệu, lập báo cáo các công việc liên quan đến quản trị, hoạt động kinh doanh của ngân hàng theo yêu cầu của HĐQT, Ban điều hành và cấp có thẩm quyền.
 - Xây dựng các chính sách chế độ kế toán của HDBank.
 - Thực hiện các công tác liên quan đến việc thanh toán, công tác kế toán và thuế, lập báo cáo tài chính và sổ cái của Ngân hàng, báo cáo thống kê định kỳ
 - Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HDBank.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 30/09/2024

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Sovico	Phòng 1102, Tầng 11, Tòa Nhà Pacific Place, Số 83B Lý Thường	0103028102	417.744.361	14,27

		Kiệt, Phường Trần Hung Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội			
--	--	---	--	--	--

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank chốt tại ngày 30/09/2024 do VSDC cấp

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHCĐ. Đến thời điểm hiện nay, các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của HDBank tại ngày 30/09/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ phiếu quỹ	1	15.081.522	0,52
2	Trong nước	18.241	2.360.621.882	80,63
a	Cá nhân trong nước	18.124	1.071.707.564	36,60
b	Tổ chức trong nước	117	1.288.914.318	44,03
3	Nước ngoài	698	551.928.728	18,85
a	Cá nhân nước ngoài	580	5.369.199	0,18
b	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	118	546.559.529	18,67
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	4	1.335.220	0,046
	Tổng cộng	18.940	2.927.632.132	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của HDBank chốt tại ngày 30/09/2024 do VSDC cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:
Bảng 4: Danh sách các công ty con của HDBank tại ngày 30/09/2024
Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký/Vốn thực góp của HDBank	Tỷ lệ sở hữu của HDBank (%)
1	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Tầng 8-9-10, Tòa nhà Gilimex, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính/ Ngân hàng	2.350 tỷ đồng	2.350 tỷ đồng	1.175 tỷ đồng	50%

Nguồn: HDBank
5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

6. Hoạt động kinh doanh
6.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh
6.1.1. Chức năng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện đầy đủ các giao dịch của một ngân hàng thương mại theo quy định Pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn năm 2022 đến Quý III/2024 (Công ty mẹ)
Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.274	85,11%	47.041	87,77%	38.346	89,92%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.546	7,66%	1.988	3,71%	1.645	3,86%

HDB124023

3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.211	3,65%	2.375	4,43%	1.931	4,53%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	116	0,35%	194	0,36%	370	0,87%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	484	1,46%	1.425	2,66%	189	0,44%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	233	0,70%	187	0,35%	161	0,38%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	1,07%	384	0,72%	0	0,00%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	33.220	100,00%	53.594	100,00%	42.642	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của HDBank giai đoạn 2022 đến Quý III/2024 (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	33.323	85,40%	52.641	87,72%	42.846	89,06%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.308	8,48%	2.830	4,72%	2.335	4,85%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.195	3,06%	2.372	3,95%	1.937	4,03%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	116	0,30%	194	0,32%	370	0,77%
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	484	1,24%	1.425	2,37%	189	0,39%
6	Thu nhập từ hoạt động khác	588	1,51%	542	0,90%	411	0,85%
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	0,02%	9	0,01%	22	0,05%
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	39.022	100,00%	60.013	100,00%	48.110	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

6.1.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của HDBank phần lớn từ thị trường trong nước, theo số liệu hợp nhất trung bình chiếm trên 94%/năm. Về thị trường huy động vốn nước ngoài, mặc dù chỉ chiếm tỷ trọng trung bình 6%/năm, một tỷ lệ khiêm tốn nhưng cao hơn so với nhiều ngân hàng có quy mô tương tự trong ngành. Đây cũng là một trong những ưu thế của HDBank.

a) Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của HDBank. Nguồn vốn huy động của HDBank bao gồm:

- o Tiền gửi và vay NHNN
- o Tiền gửi và vay các TCTD khác
- o Tiền gửi của khách hàng
- o Phát hành giấy tờ có giá

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, tổng giá trị huy động vốn tại thời điểm 31/12/2023 của HDBank đạt 533.830 tỷ VND, tăng 46,89% so với cuối năm 2022. Trong đó, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá, chiếm 79% tổng nguồn vốn huy động, qua đó góp phần cung cấp nguồn vốn ổn định cho các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư... của Ngân hàng trong năm 2023 và các năm tiếp theo, đồng thời tạo bước đệm vững chắc cho Ngân hàng khi triển khai Basel III (CAR, LCR, NSFR...). Về loại tiền tệ chủ yếu là Đồng Việt Nam chiếm 91,47% tổng nguồn vốn huy động, tương đương với 488.293 tỷ Đồng. Tại thời điểm 30/09/2024 theo BCTC hợp nhất, tổng giá trị huy động của HDBank đạt 556.707 tỷ VND, tăng 4,29% so với cuối năm 2023.

Bảng 7: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	10.821	3,04%	27	0,01%	-99,75%	18	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	88.490	24,87%	109.464	20,83%	23,70%	90.327	16,45%
Tiền gửi của khách hàng	215.797	60,65%	370.778	70,56%	71,82%	397.019	72,33%
Phát hành Giấy tờ có giá	40.674	11,43%	45.187	8,60%	11,10%	61.568	11,22%
Tổng cộng	355.782	100,00%	525.456	100,00%	47,69%	548.932	100,00%
Thị trường trong/ngoài nước							
Trong nước	332.652	93,50%	490.302	93,31%	47,39%	525.986	95,82%
Ngoài nước	23.130	6,50%	35.154	6,69%	51,98%	22.946	4,18%
Tổng cộng	355.782	100,00%	525.456	100,00%	47,69%	548.932	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 8: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Loại hình							
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	10.821	2,98%	27	0,00%	-99,75%	18	0,00%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	92.653	25,49%	112.087	21,00%	20,98%	92.303	16,58%
Tiền gửi của khách hàng	215.797	59,38%	370.778	69,46%	71,82%	397.019	71,32%
Phát hành Giấy tờ có giá	44.162	12,15%	50.938	9,54%	15,34%	67.367	12,10%
Tổng cộng	363.433	100,00%	533.830	100,00%	46,89%	556.707	100,00%
Thị trường Trong/Ngoài nước							
Trong nước	338.664	93,18%	497.559	93,21%	46,92%	531.771	95,52%
Ngoài nước	24.769	6,82%	36.271	6,79%	46,44%	24.936	4,48%
Tổng cộng	363.433	100,00%	533.830	100,00%	46,89%	556.707	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

b) Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá

Theo số liệu hợp nhất, trong năm 2023, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 31/12/2023 đạt 50.938 tỷ VND. Điều này không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn tương ứng với nhu cầu cho vay, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả mà còn giúp HDBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Tại thời điểm 30/09/2024, huy động từ phát hành Giấy tờ có giá (theo số liệu BCTC hợp nhất) đạt 67.367 tỷ VND, chiếm 12,10% trong tổng nguồn vốn huy động.

c) Huy động từ tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình trên 65% tổng nguồn vốn huy động của HDBank (hợp nhất) trong giai đoạn 2022 –2023. Huy

động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2023 theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của khách hàng HDBank đạt 370.778 tỷ đồng, tăng 71,82% khẳng định uy tín, thương hiệu của HDBank trên thị trường và niềm tin của khách hàng. HDBank liên tục đưa ra các sản phẩm huy động với lãi suất cạnh tranh, đa dạng kênh bán hàng, triển khai nhiều chương trình ưu đãi dành cho khách hàng. Với tài khoản zero phí trọn đời e-SkyOne dành cho Khách hàng Cá nhân và Bemax dành cho Khách hàng Doanh nghiệp là nhân tố chính góp phần làm giảm chi phí huy động, góp phần tăng biên thu nhập lãi thuần.

Tại ngày 30/09/2024, tổng tiền gửi của khách hàng trên BCTC hợp nhất của HDBank đạt 397.019 tỷ VND, tăng 7,08% so với cuối năm 2023 và chiếm 71,32% tổng nguồn vốn huy động.

Bảng 9: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Công ty mẹ)

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	215.797	370.778	397.019
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Cá nhân	67,32%	73,38%	77,97%
-	Tổ chức	32,68%	26,62%	22,03%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,30%	10,85%	8,73%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	25,21%	18,96%	16,41%
-	Tiền gửi tiết kiệm	64,18%	69,95%	74,68%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,26%	0,21%	0,15%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,05%	0,03%	0,03%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	VND	98,82%	99,32%	99,07%
-	Ngoại tệ	1,18%	0,68%	0,93%

Nguồn: HDBank

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	215.797	370.778	397.019
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Cá nhân	67,32%	73,38%	77,97%

-	Tổ chức	32,68%	26,62%	22,03%
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	Tiền gửi không kỳ hạn	10,30%	10,85%	8,73%
-	Tiền gửi có kỳ hạn	25,21%	18,96%	16,41%
-	Tiền gửi tiết kiệm	64,18%	69,95%	74,68%
-	Tiền gửi ký quỹ	0,26%	0,21%	0,15%
-	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,05%	0,03%	0,03%
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00%	100,00%	100,00%
-	VND	98,82%	99,32%	99,07%
-	Ngoại tệ	1,18%	0,68%	0,93%

Nguồn: HDBank

Về cơ cấu, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm 73,38% tại thời điểm 31/12/2023 và chiếm 77,97% tại thời điểm 30/09/2024). Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, theo đúng chiến lược phát triển của HDBank là Ngân hàng bán lẻ trong những năm qua.

Về kỳ hạn, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) của HDBank chiếm tỷ trọng lớn, trên 89,15% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2022 - 2023, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Kết thúc 31/12/2023, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 10,85%, tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) chiếm 88,91% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại thời điểm 30/09/2024, tiền gửi không kỳ hạn chiếm 8,73% và tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả tiền gửi tiết kiệm) chiếm 91,09% tổng tiền gửi của khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, theo số liệu hợp nhất, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 99% tổng tiền gửi của khách hàng trong giai đoạn 2022 - 2023). Tại 31/12/2023, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 368.253 tỷ VND, tăng mạnh 72,69% so với năm 2022 và chiếm 99,32% tổng số dư tiền gửi của khách hàng. Kết thúc ngày 30/09/2024, tiền gửi nội tệ đạt 393.318 tỷ VND, tăng 6,81% so với cuối năm 2023 trong khi tiền gửi ngoại tệ đạt 3.701 tỷ VND, tăng 46,57% so với cuối năm 2023.

Bảng 11: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	30/09/2024
VND	213.251	368.253	72,69%	393.318
Ngoại tệ	2.546	2.525	-0,82%	3.701
Tổng cộng	215.797	370.778	71,82%	397.019

Nguồn: HDBank

Bảng 12: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	Đơn vị: tỷ Đồng
				30/09/2024
VND	213.251	368.253	72,69%	393.318
Ngoại tệ	2.546	2.525	-0,82%	3.701
Tổng cộng	215.797	370.778	71,82%	397.019

Nguồn: HDBank

6.1.3. Hoạt động tín dụng**a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng**

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của HDBank tăng đều qua các năm. Tính đến 31/12/2022, dư nợ tín dụng hợp nhất của HDBank đạt 268.157 tỷ đồng (tăng 25,6% so với năm 2021), trong đó gồm khoản tín dụng 4.301 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành. Năm 2023, dư nợ tín dụng hợp nhất của HDBank tăng 31,80% so với cuối năm 2022, đạt 353.441 tỷ đồng (gồm khoản tín dụng 10.036 tỷ đồng thông qua đầu tư trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành). Tính đến 30/09/2024, dư nợ tín dụng hợp nhất của HDBank đạt 411.955 tỷ đồng, tăng 16,56% so với cuối năm 2023.

Với mục tiêu phát triển bền vững, HDBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

b) Cho vay khách hàng

Năm 2023, tổng dư nợ cho vay khách hàng (hợp nhất) của HDBank đạt 343.404 tỷ VND, tương đương mức tăng trưởng tín dụng 30,15%, đây là mức tăng trưởng cao so với ngành (13,71%). Trong đó, dư nợ trung hạn tăng trưởng từ 25.793 tỷ VND kết thúc năm 2022 lên đến 93.390 tỷ VND tại ngày 31/12/2023, tương đương mức tăng 262%. HDBank đã đẩy mạnh cho vay các lĩnh vực là động lực tăng trưởng của nền kinh tế như cho vay nông nghiệp nông thôn, tài trợ chuỗi, các doanh nghiệp xuất khẩu, hàng tiêu dùng nhanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, tiểu thương, năng lượng tái tạo, ... Đồng hành cùng nền kinh tế, HDBank liên tiếp triển khai các gói tín dụng quy mô hàng chục nghìn tỷ đồng dành cho người dân và doanh nghiệp với lãi suất ưu đãi góp phần phục hồi kinh tế.

Tại thời điểm 30/09/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng, theo số liệu BCTC hợp nhất, tăng 16,11% so với cuối năm 2023, lên mức 398.724 tỷ VND.

Bảng 13: Dự nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	165.508	67,00%	176.985	54,07%	6,93%	195.991	51,38%
2	Nợ trung hạn	16.194	6,56%	83.651	25,56%	416,56%	119.077	31,22%
3	Nợ dài hạn	65.316	26,44%	66.682	20,37%	2,09%	66.395	17,41%
	Tổng cộng	247.018	100,00%	327.318	100,00%	32,51%	381.463	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 14: Dự nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/giảm	30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	172.747	65,47%	183.332	53,39%	6,13%	203.222	50,97%
2	Nợ trung hạn	25.793	9,78%	93.390	27,20%	262,07%	129.107	32,38%
3	Nợ dài hạn	65.316	24,75%	66.682	19,42%	2,09%	66.395	16,65%
	Tổng cộng	263.856	100,00%	343.404	100,00%	30,15%	398.724	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

Về cơ cấu dự nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh tế, tại ngày 30/09/2024 theo số liệu hợp nhất, ba ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dự nợ cho vay khách hàng bao gồm: (i) Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (tương đương 25,53%); (ii) Hoạt động kinh doanh bất động sản (tương đương 15,35%) và (iii) Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác (tương đương 15,30%).

Bảng 15: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	78.591	31,82%	93.246	28,49%	84.527	22,16%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	26.017	10,53%	14.278	4,36%	13.434	3,52%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo (*)	29.121	11,79%	11.590	3,54%	15.693	4,11%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	20.970	8,49%	58.249	17,80%	61.207	16,05%
5	Xây dựng	16.843	6,82%	24.449	7,47%	39.098	10,25%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	15.444	6,25%	9.995	3,05%	10.214	2,68%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	12.185	4,93%	46.004	14,05%	61.005	15,99%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.102	2,07%	3.980	1,22%	9.082	2,38%
9	Vận tải, kho bãi	4.321	1,75%	5.394	1,65%	6.140	1,61%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm (**)	3.245	1,31%	13.039	3,98%	19.851	5,20%
11	Khác	35.179	14,24%	47.094	14,39%	61.212	16,05%
Tổng cộng		247.018	100,00%	327.318	100,00%	381.463	100,00%

Nguồn: BCTC riêng 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Là Sản xuất và gia công, chế biến theo BCTC riêng năm 2022 đã kiểm toán

(**) Là Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo BCTC riêng năm 2022 đã kiểm toán

Bảng 16: Dư nợ cho vay khách hàng theo lĩnh vực kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	95.430	36,17%	109.333	31,84%	101.789	25,53%
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	26.016	9,86%	14.278	4,16%	13.434	3,37%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo (*)	29.121	11,04%	11.590	3,38%	15.693	3,94%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	20.970	7,95%	58.249	16,96%	61.207	15,35%
5	Xây dựng	16.843	6,38%	24.449	7,12%	39.098	9,81%
6	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	15.444	5,85%	9.995	2,91%	10.214	2,56%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	12.185	4,62%	46.004	13,40%	61.005	15,30%
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.102	1,93%	3.980	1,16%	9.082	2,28%
9	Vận tải, kho bãi	4.321	1,64%	5.394	1,57%	6.140	1,54%
10	Hoạt động tài chính và bảo hiểm (**)	3.245	1,23%	13.039	3,80%	19.851	4,98%
11	Khác	35.179	13,33%	47.094	13,71%	61.212	15,35%
Tổng cộng		263.856	100,00%	343.404	100,00%	398.724	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Là Sản xuất và gia công, chế biến theo BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán

(**) Là Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán

c) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của HDBank. Tại thời điểm 31/12/2023, số dư bảo lãnh của HDBank đạt 19.177 tỷ VND, tăng 110,6% so với cuối năm 2022 và đạt 31.513 tỷ VND tại thời điểm 30/09/2024.

d) Chất lượng nợ cho vay

HDBank chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của HDBank. Tính đến ngày 30/09/2024, tỷ lệ nợ xấu của HDBank theo số liệu hợp nhất vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 1,90% tổng dư nợ cho vay khách hàng (tại thời điểm cuối năm 2023 là 1,79%).

Bảng 17: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	238.071	96,38%	305.849	93,44%	28,47%	361.597	94,79%
Nợ cần chú ý	5.739	2,32%	16.533	5,05%	188,09%	13.588	3,56%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.154	0,47%	1.743	0,53%	51,04%	2.522	0,66%
Nợ nghi ngờ	978	0,40%	1.576	0,48%	61,15%	1.571	0,41%
Nợ có khả năng mất vốn	1.076	0,44%	1.617	0,50%	50,28%	2.185	0,57%
Tổng cộng	247.018	100,00%	327.318	100,00%	32,51%	381.463	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 18: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		% tăng/ giảm	30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	252.065	95,53%	319.239	92,96%	26,65%	376.219	94,36%
Nợ cần chú ý	7.387	2,80%	18.005	5,24%	143,74%	14.938	3,75%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.848	0,70%	2.610	0,76%	41,23%	3.402	0,85%
Nợ nghi ngờ	1.415	0,54%	1.908	0,56%	34,84%	1.876	0,47%
Nợ có khả năng mất vốn	1.141	0,43%	1.642	0,48%	43,91%	2.289	0,57%
Tổng cộng	263.856	100,00%	343.404	100,00%	30,15%	398.724	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 19: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2022	682	1.844	2.526
31/12/2023	1.091	2.443	3.534
30/09/2024	1.535	2.845	4.380

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 20: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2022	1.131	1.971	3.102
31/12/2023	1.491	2.563	4.054
30/09/2024	2.012	2.973	4.985

Nguồn: BCTC hợp nhất 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN quy định về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Ngày 30/06/2024, NHNN đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của NHTM, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực thi hành từ 01/07/2024 để thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021. Ngày 11/07/2024, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái và có hiệu lực thi hành từ ngày 11/07/2024.

e) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất (CAR) của HDBank tại thời điểm 30/09/2024 là 14,80%, đáp ứng các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bảng 21: Tỷ lệ an toàn vốn (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vốn tự có	42.436	57.895	74.009
Vốn cấp 1	35.995	43.630	49.947
Vốn cấp 2	7.702	15.525	25.966
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	1.261	1.261	1.904
Tổng tài sản “Có” rủi ro	331.524	474.193	514.721
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	12,80%	12,21%	14,38%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

Bảng 22: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Vốn tự có	46.666	61.900	79.509
Vốn cấp 1	36.822	44.347	51.147
Vốn cấp 2	9.844	17.553	28.362
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-
Tổng tài sản “Có” rủi ro	347.753	492.262	537.261
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	13,42%	12,57%	14,80%

Nguồn: HDBank, tỷ lệ tính theo Thông tư 41 và Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại ngoại tệ kinh doanh chủ yếu của HDBank bao gồm USD, EUR, GBP, JPY, AUD, CAD, CNY, SGD, THB... Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại tệ là phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Năm 2023, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối hợp nhất của HDBank đạt 2.372 tỷ VND, tăng 98,49% so với năm 2022 và lãi thuần đạt 565 tỷ VND, tăng 321,64% so với năm 2022. Lũy kế 9

tháng đầu năm 2024, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất đạt lần lượt 1.937 tỷ VND và 609 tỷ VND.

Bảng 23: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.211	2.375	96,12%	1.931
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.006	1.671	66,10%	1.309
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	704	243,41%	622

Nguồn: HDBank

Bảng 24: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2024
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.195	2.372	98,49%	1.937
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.061	1.807	70,31%	1.328
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	565	321,64%	609

Nguồn: HDBank

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Trong năm 2023 số lượng giao dịch thanh toán trong nước (bao gồm các kênh Citad/VCB Money, BIDV Epay và Napas) của HDBank đạt 67.972.040 giao dịch, tăng 111,77% so với năm 2022; doanh số thanh toán đạt 9.825.912 tỷ VND, giảm 10,24% so với năm 2022. Trong 9 tháng đầu năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của HDBank đạt 97.968.998 giao dịch, tăng 119,18% so với cùng kỳ năm 2023 và doanh số thanh toán trong nước đạt 9.441.073 tỷ VND, tăng 32,06% so với cùng kỳ năm 2023.

Thực hiện theo Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ, HDBank đã, đang và sẽ ứng dụng mạnh mẽ công nghệ 4.0 vào hoạt động thanh toán trong nước, phát triển và mở rộng các hệ thống thanh toán, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán, không ngừng đáp ứng nhu cầu thanh toán ngày càng tăng cao về mặt số lượng cũng như chất lượng một cách thuận tiện, hiệu quả cho khách hàng. Các ứng dụng: phương thức xác thực hiện đại, công nghệ eKYC, ứng dụng giải

pháp tự động hóa quy trình chuyển tiền bằng robot (RPA), mở rộng hợp tác thanh toán với các đối tác liên kết, các hệ thống thanh toán song phương/ đa phương, kết nối công thanh toán điện tử đối với dịch vụ hành chính công, khu vực chính phủ... nhằm hướng tới quản lý, giám sát, kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo hoạt động thanh toán an toàn, thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán của khách hàng.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế

Năm 2023, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 53.600 giao dịch, giảm 8,74% so với năm 2022; doanh số thanh toán đạt gần 13 tỷ USD, tăng 28,74% so với năm 2022. Trong 9 tháng đầu năm 2024, số lượng giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của HDBank đạt 42.420 giao dịch, tăng 108,48% so với cùng kỳ năm 2023; doanh số thanh toán đạt 10,17 tỷ USD, tăng 116,23% so với cùng kỳ năm 2023.

d) Hoạt động Ngân hàng đại lý

HDBank đã thiết lập quan hệ đại lý với hơn 300 ngân hàng và chi nhánh tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho HDBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ L/C, bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ và ngoại hối. HDBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam ký kết thỏa thuận Ngân hàng Xác nhận (Confirming Banking) với ADB và là ngân hàng tiên phong triển khai thành công Thu tín dụng trên nền tảng công nghệ blockchain của hệ thống tài trợ thương mại toàn cầu mang tên “Contour” lần đầu tiên tại Việt Nam. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để HDBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

6.1.5. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư tài chính

Trong hoạt động đầu tư chứng khoán nợ và chứng khoán vốn, HDBank tiếp tục khẳng định được vai trò và vị thế trên thị trường đồng thời củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác tốt đối với các đối tác trong hệ thống tài chính ngân hàng nói chung.

Năm 2023, thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã cho thấy dấu hiệu hồi phục về cả giá trị phát hành sơ cấp và thanh khoản, đặc biệt là trong giai đoạn nửa cuối năm. Lũy kế cả năm 2023, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành đạt hơn 317 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022. Trong khi đó, tính đến hết ngày 28/12/2023, khối lượng đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đạt gần 717 triệu trái phiếu, giá trị giao dịch đạt hơn 208.000 tỷ đồng. Sàn giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ chính thức đi vào vận hành từ Quý 3/2023 đã góp phần thúc đẩy tính thanh khoản và tạo điều kiện cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phát triển bền vững hơn. Lãi suất phát hành trong năm 2023 nhìn chung có xu hướng giảm do tác động từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất. Trong năm, HDBank đã chủ động nắm bắt xu hướng diễn biến lãi suất và tình hình thị trường để đa dạng hóa danh mục đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận gắn liền với kiểm soát và quản lý rủi ro thanh khoản.

Bằng việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, HDBank là một trong những thành viên tích cực và thường xuyên trên thị trường. Năm 2023, HDBank đã lọt vào top 3 thành viên giao dịch Outright, top 3 thành viên giao dịch tự doanh Trái phiếu Chính phủ trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và luôn nằm trong top 10 thành viên giao dịch lớn nhất trên HNX. HDBank là một trong những thành viên năng động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường giao dịch Trái phiếu Chính phủ nói riêng, thị trường tài chính nói chung. Danh mục nắm giữ cũng như doanh số giao dịch mua bán giấy tờ có giá của HDBank đa dạng về loại và kỳ hạn, nâng cao vị trí và uy tín trên thị trường. Tại thời điểm 31/12/2023 theo số liệu hợp nhất, tổng giá trị đầu tư chứng khoán đạt 62.757 tỷ đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành đạt 35.110 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 17.326 tỷ đồng, chiếm lần lượt 55,80% và 27,54% tổng danh mục đầu tư, lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh đạt 1.208,7 tỷ đồng (tăng 266,7% so với cùng kỳ năm 2022). Kết thúc Quý III/2024 theo số liệu hợp nhất, tổng giá trị đầu tư chứng khoán đạt 50.029 tỷ đồng, trong đó hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành đạt 14.572 tỷ đồng, hoạt động đầu tư và kinh doanh trái phiếu Chính phủ đạt 21.942 tỷ đồng, chiếm lần lượt 28,65% và 43,14% tổng danh mục đầu tư.

Bảng 25: Hoạt động đầu tư tài chính (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	50.617	97,35%	62.757	97,85%	50.029	96,12%
Trái phiếu Chính phủ (*)	26.979	51,89%	17.326	27,01%	21.942	42,15%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	18.323	35,24%	35.110	54,74%	14.572	28,00%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4.301	8,27%	10.036	15,65%	13.230	25,42%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.014	1,95%	285	0,45%	285	0,55%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	1.379	2,65%	1.379	2,15%	2.022	3,88%
Tổng cộng	51.996	100,00%	64.136	100,00%	52.051	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) Tín phiếu do NHNN phát hành

Bảng 26: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		30/09/2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	50.617	99,68%	62.757	99,74%	50.029	98,37%
Trái phiếu Chính phủ (*)	26.979	53,13%	17.326	27,54%	21.942	43,14%
Trái phiếu và CCTG do các TCTD khác trong nước phát hành	18.323	36,08%	35.110	55,80%	14.572	28,65%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	4.301	8,47%	10.036	15,95%	13.230	26,01%
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.014	2,00%	285	0,45%	285	0,56%
Góp vốn đầu tư dài hạn khác	164	0,32%	164	0,26%	829	1,63%
Tổng cộng	50.781	100,00%	62.921	100,00%	50.858	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Trái phiếu Chính Phủ bao gồm: (i) Trái phiếu Chính Phủ; và/hoặc (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc (iii) Tín phiếu do NHNN phát hành

b) Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Trong năm 2023, doanh số phí bảo hiểm HDBank luôn duy trì thuộc Top đầu các ngân hàng có doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ cao nhất thị trường. Đây là kết quả của chiến lược tiếp cận khách hàng hiệu quả, cùng với việc tạo ra các chương trình khuyến mại và ưu đãi hấp dẫn. Đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, đã áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao trải nghiệm khách hàng, từ quy trình mua bảo hiểm, quản lý hợp đồng đến dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng. Chất lượng dịch vụ bảo hiểm chuyên nghiệp thể hiện ở các hoạt động thường xuyên và xuyên suốt trong quá trình tiếp xúc, tư vấn, thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, hỗ trợ khách hàng khám sức khỏe (nếu có), đồng hành cùng khách hàng khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Điều này giúp tạo ra sự hài lòng và lòng tin từ phía khách hàng.

Năm 2023, HDBank đã đẩy mạnh việc phát triển và đa dạng hóa danh mục sản phẩm bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ. Bên cạnh đó, HDBank tiếp tục nghiên cứu và áp dụng công nghệ số để cải tiến quy trình kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, các ứng dụng di động và

nền tảng trực tuyến đã giúp tối ưu hóa quy trình giao dịch, từ việc tư vấn, đăng ký sản phẩm, đến thanh toán và theo dõi hợp đồng.

Định hướng kế hoạch trong năm 2024, HDBank hướng đến mục tiêu tiếp tục mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trở thành một trong những ngân hàng dẫn đầu trong hoạt động phân phối sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng tại Việt Nam và đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành Ngân hàng. Thỏa thuận Bancassurance độc quyền của HDBank với đối tác sẽ đưa HDBank tiếp tục vững vàng trong Top đầu các ngân hàng về hoạt động Bancassurance, góp phần hiện thực hóa các chiến lược phát triển 2021 - 2025 của HDBank, giúp khách hàng được cung ứng thêm nhiều giải pháp tài chính bảo hiểm.

c) Hoạt động kinh doanh thẻ

Nắm bắt và khai thác hiệu quả xu hướng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, Trung tâm Thẻ HDBank đã có những chiến lược phát triển đúng đắn, nhanh chóng ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, liên tục gia tăng đổi mới, kết hợp áp dụng hợp đồng điện tử, eSign và video KYC vào kênh mở thẻ trực tuyến ngay trên thiết bị di động cho hầu hết các sản phẩm thẻ tín dụng: thẻ đồng thương hiệu HDBank Petrolimex 4 trong 1 – đây là dòng sản phẩm tích hợp 4 trong 1 đầu tiên tại Việt Nam, cung cấp cùng lúc Thẻ tín dụng, Thẻ ghi nợ, Thẻ trả trước, đồng thời là phương tiện để nhận diện khách hàng thân thiết của Petrolimex (PetrolimexID); Phối hợp triển khai tích hợp các luồng mở thẻ tín dụng trên các kênh khác nhau để gia tăng số lượng thẻ tín dụng được phát hành và kích hoạt, cụ thể qua các kênh như VietjetAir, Vikki...; Triển khai thành công việc phát hành và chấp nhận thanh toán thẻ thuộc tổ chức JCB.

Năm 2023, HDBank tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đưa thẻ tín dụng trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của người dân, đồng hành và đáp ứng trọn vẹn các nhu cầu tài chính thiết yếu của mọi gia đình Việt. Đồng thời, HDBank triển khai thành công sản phẩm vay linh hoạt trên dư nợ Thẻ tín dụng nhằm tối ưu hóa hoạt động vận hành và số hóa hành trình cho khách hàng sử dụng thẻ HDBank.

Trong năm 2024, với các mục tiêu về sản phẩm công nghệ và định hướng kinh doanh trên giải pháp số, HDBank phát triển thêm các kênh trực tuyến hỗ trợ khách hàng mở tài khoản thanh toán, thẻ tín dụng... với cơ chế trực tuyến hoàn toàn.

d) Hoạt động tài chính tiêu dùng

Mảng tài chính tiêu dùng của HDBank nằm ở công ty con của Ngân hàng là HD SAISON. Tiền thân của HD SAISON là Công ty TNHH MTV Tài chính Việt – Société Générale (“SGVF”), thuộc sở hữu của Ngân hàng Pháp Société Générale. Sau khi nhận được chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 2532/QĐ-NHNN và Quyết định số 2533/QĐ-NHNN ngày 30/10/2013, Tập đoàn Société Générale S.A, chủ sở hữu duy nhất của SGVF đã chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu của SGVF cho HDBank và SGVF đã chính thức đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (“HDFinance”). Đến tháng 03/2015, CREDIT SAISON (Nhật Bản) đã

đầu tư vào HDFinance, nắm giữ 49% vốn điều lệ và HDFinance đã được đổi tên thành HD SAISON như hiện nay.

HD SAISON thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm: Cho vay mua trả góp phương tiện đi lại, đồ dùng, trang thiết bị gia đình, chi phí học tập, thẩm mỹ, nha khoa, tiệc cưới, du lịch, thẻ dực/ thẻ thao và cho khách hàng vay tiền mặt phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

Qua hơn 15 năm hoạt động, HD SAISON sở hữu mạng lưới điểm giới thiệu dịch vụ lớn nhất với hơn 24.000 điểm giao dịch tài chính đặt tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc. HD SAISON tập trung hoàn thiện các nền tảng ứng dụng qua website và ứng dụng di động, cho phép khách hàng thao tác trực tuyến 100% khi đăng ký vay hoặc đề nghị phát hành thẻ tín dụng. Ứng dụng di động HD SAISON, có mặt trên cả hai nền tảng hệ điều hành phổ biến iOS và Android, mang đến cho khách hàng trải nghiệm vay trực tuyến 100% chỉ bằng những cú chạm đơn giản trên màn hình điện thoại. HD SAISON phát hành thẻ tín dụng quốc tế HD SAISON VISA với công nghệ chip EMV tích hợp công nghệ thanh toán không tiếp xúc (contactless), mang đến trải nghiệm mới cho khách hàng với phương thức thanh toán hiện đại, nhanh chóng và có tính bảo mật cao.

HD SAISON liên tục duy trì sự phát triển bền vững và luôn không ngừng đổi mới để giữ vững vị thế là công ty tài chính tiêu dùng thuộc top 3 dẫn đầu thị trường. Phát triển kinh doanh thông qua việc hỗ trợ tài chính người tiêu dùng cùng với chú trọng trách nhiệm với cộng đồng là những mục tiêu không thể thiếu trong toàn bộ hoạt động của HD SAISON. HD SAISON thực hiện cam kết trách nhiệm xã hội thông qua những hành động thiết thực, có ý nghĩa đối với những trường hợp cụ thể: Tài trợ học bổng giáo dục; Gói vay ưu đãi dành riêng cho giáo viên, bác sĩ; Gói vay ưu đãi đặc biệt dành cho công nhân trên toàn quốc; Đưa tài chính tiêu dùng đến gần với người dân; Thiết kế gói vay tiêu dùng mang đến lợi ích cho khách hàng.

Đến ngày 31/12/2023, tổng tài sản của HD SAISON đạt 17.593 tỷ đồng, cho vay khách hàng đạt 16.086 tỷ đồng (giảm 4,5% so với cuối năm 2022), trong khi huy động vốn đạt 12.325 tỷ đồng tăng 1,2% so với cuối năm 2022. HD SAISON luôn tuân thủ các quy định về an toàn hoạt động của NHNN, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn được HD SAISON duy trì ở mức cao, tỷ lệ an toàn vốn cuối năm 2023 là 22,5% so với mức quy định tối thiểu 9,0% của NHNN.

Kết thúc Quý III năm 2024, tổng tài sản của HD SAISON đạt 21.026 tỷ đồng, tăng 19,51% so với cuối năm 2023, trong đó cho vay khách hàng đạt 17.261 tỷ đồng và huy động vốn đạt 14.988 tỷ đồng lần lượt tăng 7,30% và 21,61% so với cuối năm 2023.

Bên cạnh việc đảm bảo an toàn hoạt động, HD SAISON cũng triển khai nhiều giải pháp để nâng cao hiệu suất kinh doanh, trong đó, nổi bật là thực hiện chuyển đổi số, tích hợp công nghệ vào quy trình kinh doanh, giúp tối ưu hóa chi phí và cải thiện năng suất lao động. Đồng thời, nhờ quản trị rủi ro hiệu quả, đẩy mạnh chiến lược giải ngân ở phân khúc khách hàng có rủi ro thấp, chú trọng gia tăng giá trị khoản vay cho khách hàng trung thành có lịch sử thanh toán tốt đã giúp HD SAISON giảm thiểu tác động từ sự suy giảm chất lượng tín dụng của toàn ngành tài chính tiêu dùng, giúp lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 660 tỷ đồng.

Năm 2023, HD SAISON tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong vận hành và sản phẩm, mang đến nhiều sáng kiến mới để nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đồng thời, HD SAISON tập trung hoàn thiện các nền tảng ứng dụng qua website và di động cho phép khách hàng thao tác trực tuyến 100% khi đăng ký vay hoặc đề nghị phát hành thẻ tín dụng.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Quản lý rủi ro tín dụng

HDBank thực hiện chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định của NHNN và Quy định nội bộ của HDBank. Cụ thể:

- Thường xuyên cập nhật tài liệu nội bộ theo Luật, Thông tư, Nghị định, chủ trương, chính sách của NHNN trong từng thời kỳ.
- Thực hiện quản lý rủi ro tín dụng xuyên suốt trong quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt và quản lý sau cấp tín dụng đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan giữa việc đề xuất, thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng.
- Thiết lập chính sách và khẩu vị rủi ro, trong đó xây dựng các giới hạn về nợ quá hạn, nợ xấu; giới hạn hạn mức cấp tín dụng theo khách hàng, ngành nghề, lĩnh vực kinh tế; sản phẩm và hình thức bảo đảm để làm định hướng phát triển hoạt động cấp tín dụng toàn hàng.
- Ngân hàng sử dụng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ trong quá trình cấp tín dụng, đo lường được rủi ro của khách hàng nhằm đảm bảo việc cấp tín dụng được độc lập, khách quan; đánh giá và cải thiện tính chính xác, hiệu quả của việc ra quyết định cấp tín dụng.
- Cơ cấu tổ chức công tác quản lý và giám sát rủi ro tín dụng của HDBank gồm 3 tuyến phòng thủ chính nhằm thực hiện xây dựng, nhận dạng, đo lường, đánh giá, kiểm soát và xử lý, khắc phục các rủi ro tín dụng nếu có phát sinh nhanh chóng và kịp thời.
- Bước đầu áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo Basel III nhằm cải thiện quản lý rủi ro nói chung và rủi ro tín dụng nói riêng.
- Chuyển dịch dần hoạt động tín dụng theo hướng ứng dụng công nghệ để phù hợp với xu hướng thị trường, tăng hiệu quả của hoạt động và góp phần giảm rủi ro tín dụng.
- Luôn nghiên cứu xây dựng các phần mềm chương trình, giải pháp công nghệ hỗ trợ công tác giám sát quản lý rủi ro tín dụng.
 - o Áp dụng chương trình khai thác thông tin tín dụng CIC tập trung qua kênh Host-to-Host từ năm 2022 đã giúp HDBank nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát rủi ro, tiết kiệm chi phí và khai thác có hiệu quả sản phẩm, dịch vụ của CIC nhằm phục vụ cho hoạt động quản trị và xây dựng/phát triển các mô hình quản trị rủi ro nội bộ.
 - o Triển khai và áp dụng các mô hình về PD (tính xác suất vỡ nợ), lượng hóa tổn thất khi vỡ nợ (LGD) để ứng dụng trong công tác phê duyệt tín dụng cũng như kiểm soát rủi ro đối với từng khách hàng cụ thể.

- Trong công tác phân loại nợ: Ngân hàng sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ, kết quả phân loại nợ của CIC trong công tác phân loại nợ, đồng thời thực hiện trích lập dự phòng theo định kỳ tháng/quý, tuân thủ theo đúng Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ban hành ngày 30/07/2021 (hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021 và đã được thay thế bởi Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ban hành ngày 30/06/2024, có hiệu lực từ ngày 01/07/2024), đảm bảo các chi phí dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đầy đủ.
- Xây dựng và theo dõi các báo cáo rủi ro tín dụng định kỳ và đột xuất.

6.2.2. Quản lý rủi ro hoạt động

Để quản lý rủi ro hoạt động HDBank đã triển khai các công việc đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình thực tế:

- Thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến bảo vệ;
- Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chế độ quản trị rủi ro toàn hàng;
- Thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động, và cơ chế theo dõi giám sát;
- Nghiên cứu, triển khai các công cụ đo lường rủi ro hoạt động: Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát – RCSA; Chỉ số rủi ro trọng yếu – KRI; Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động – LDC; Giám sát và cảnh báo các giao dịch đáng ngờ (STM);
- Triển khai quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới, quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài, quản lý rủi ro trong hoạt động trong ứng dụng công nghệ và mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động;
- Xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động liên tục, kế hoạch đối phó với những tác động bên ngoài (Ví dụ: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, cúp điện, ...) có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tính liên tục trong hoạt động của HDBank;
- Triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo TT41/2016/TT-NHNN và kiểm tra sức chịu đựng về vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo TT13/2018/TT-NHNN;
- Luôn nghiên cứu xây dựng các phần mềm chương trình, giải pháp hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động;
- Xây dựng và theo dõi các báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ và đột xuất.

6.2.3. Quản lý rủi ro thị trường

- HDBank đã ban hành Quy chế về Chính sách quản lý rủi ro, Quy định quản lý rủi ro, trong đó quản lý rủi ro thị trường là một trong những loại rủi ro trọng yếu. HDBank đã ban hành đầy đủ các quy định liên quan và thực hiện quản lý rủi ro thị trường trên cơ sở bám sát các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, Thông tư 41/2016/TT-NHNN, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế liên quan và thông lệ của Hiệp ước Basel, cụ thể:
- Tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro thị trường theo khẩu vị rủi ro và các giới hạn rủi ro thị trường;

- Tổ chức hoạt động quản lý rủi ro thị trường theo 03 tuyến bảo vệ, đảm bảo thực hiện việc kiểm soát độc lập giữa đơn vị kinh doanh, kiểm soát rủi ro, kiểm toán nội bộ;
- Thực hiện nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường thông qua các công cụ hiện đại, phương pháp luận/mô hình đo lường được xây dựng phù hợp thông lệ tiên tiến và các chuẩn mực Basel;
- Định kỳ HDBank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng cho rủi ro thị trường nhằm đánh giá khả năng chịu đựng trong các kịch bản khủng hoảng và đề xuất các hành động phù hợp để hạn chế tổn thất có thể xảy ra.

6.2.4. Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là một trong các rủi ro trọng yếu được HDBank triển khai quản lý nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và phù hợp với thông lệ quốc tế trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thanh khoản thông qua cơ chế ba tuyến phòng vệ. Theo đó, ban hành hệ thống chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro thanh khoản nêu rõ vai trò trách nhiệm của từng tuyến phòng thủ và từng bộ phận;
- Phát triển và ứng dụng công nghệ, hệ thống phần mềm trong việc quản lý, đo lường rủi ro thanh khoản, xây dựng bộ các chỉ tiêu cảnh báo sớm, hạn mức và khẩu vị rủi ro về thanh khoản;
- Thực hiện quản lý thanh khoản trong ngày, tài sản thanh khoản cao, việc huy động vốn, sử dụng vốn;
- Thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản, kế hoạch dự phòng thanh khoản ít nhất theo định kỳ 06 tháng/lần;
- Triển khai dự án nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro từ Basel II lên Basel III nhằm cải thiện quản lý rủi ro nói chung và rủi ro thanh khoản nói riêng.

6.2.5. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2024

Trong năm 2023 công tác Quản lý rủi ro sẽ được tiếp tục xác định là một nhiệm vụ trong hoạt động của Ngân hàng với sự đầu tư, hoạch định các kế hoạch, chiến lược mới nhằm: hoàn thành triển khai dự án Basel III, hiện đại hóa công tác quản lý rủi ro. Đồng thời trong năm 2023 và 2024, trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường bất động sản nói riêng, HDBank đẩy mạnh và tăng cường công tác kiểm soát, giám sát từ xa thông qua số liệu và kiểm tra thực tế ĐVKD. Đồng thời chủ động thắt chặt công tác thẩm định, đưa ra nhiều phương án xử lý trong trường hợp xảy ra các sự cố không mong muốn trong thời gian qua.

Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực triển khai, nâng cấp các công cụ, mô hình quản lý rủi ro để giám sát, tính toán, đo lường và đưa ra các cảnh báo kịp thời về diễn biến của các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động luôn đáp ứng tốt theo quy định của NHNN.



Handwritten signature or mark.

6.3.Thị trường hoạt động

6.3.1. Mạng lưới chi nhánh

Sau hơn 30 năm hoạt động, HDBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam với vốn điều lệ đạt hơn 29.276 tỷ Đồng. Tại ngày 30/09/2024, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 02 Văn phòng đại diện (gồm 01 văn phòng đại diện khu vực miền Bắc và 01 văn phòng đại diện của HDBank tại Myanmar), 82 Chi nhánh, 277 Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Số lượng nhân viên của Ngân hàng và công ty con là 18.144 người.

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a) Mạng lưới khách hàng

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/ thành phố giúp HDBank và các đơn vị thành viên tiếp cận khách hàng tại 63/63 tỉnh thành phố trên toàn quốc, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tài chính tiêu dùng cho nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, hộ gia đình, khách hàng doanh nghiệp, đồng thời HDBank cũng mở rộng chuỗi và hợp tác chiến lược với các tập đoàn, tổng công ty, định chế tài chính lớn.

HDBank đẩy mạnh tài chính xanh và chuyển đổi số toàn diện. HDBank đồng hành cùng nền kinh tế với các chương trình thiết thực và ý nghĩa. Ngân hàng triển khai nhiều gói vay ưu đãi với mức lãi suất hấp dẫn để đồng hành cùng người dân và doanh nghiệp phát triển kinh tế. Thêm vào đó, HDBank là ngân hàng đi đầu trong thúc đẩy chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hỗ trợ nông dân đưa sản phẩm lên các kênh bán hàng số, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, triển khai các chương trình an sinh xã hội thiết thực.

Bên cạnh đó, HDBank triển khai phát triển các chuỗi khách hàng chiến lược theo Sáng kiến ngành đi kèm với Trung tâm chăm sóc khách hàng ngành cùng dòng sản phẩm dịch vụ được chuyên biệt hoá cao. Kien toàn, tối ưu hoá mạng lưới hoạt động, tiếp tục nâng tầm quy mô và hiệu quả hoạt động của các Chi nhánh/Phòng giao dịch. Triển khai có hiệu quả các Trung tâm SMEs để phủ địa bàn, và Ngân hàng ưu tiên (Private Banking) để chuyên biệt phát triển khách hàng thuộc phân khúc trung cao.

b) Các loại dịch vụ cho khách hàng

✓ Các Sản phẩm dịch vụ dành cho cá nhân: bao gồm:

- Tiền gửi:
 - Tiền gửi không kỳ hạn: Tiền gửi thanh toán; Tiết kiệm không kỳ hạn;
 - Tiền gửi có kỳ hạn: Tiết kiệm có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm gửi góp linh hoạt; Tiền gửi có kỳ hạn; Tiền gửi trực tuyến (Online).
- Cho vay: triển khai đa dạng các sản phẩm cho vay đáp ứng nhiều mục đích và đối tượng KHCN như sản phẩm cho vay bất động sản; cho vay bổ sung vốn lưu động; cho vay tiêu dùng; cho vay mua xe ô tô, cho vay nông nghiệp; cho vay phát triển kinh tế biển; ...

- *Ngân hàng điện tử*: bao gồm đa dạng các dịch vụ SMS Banking; Mobile Banking; Internet Banking; Ứng dụng Mua trước trả sau Muadee; Ngân hàng số Vikki; ...
 - *Thẻ*: gồm các sản phẩm, dịch vụ dành cho thẻ tín dụng; thẻ ghi nợ; thẻ trả trước; ...
 - *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho khách hàng cá nhân;
 - *Ngoại tệ*: gồm các sản phẩm, dịch vụ mua, bán ngoại tệ và chuyển tiền quốc tế.
- ✓ Các Sản phẩm dịch vụ dành cho doanh nghiệp: bao gồm:
- *Quản lý dòng tiền*:
 - Dịch vụ tiền gửi: Gói chi lương Happy Di-Payroll; tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn online; eAccount – Tài khoản trực tuyến; tài khoản ký quỹ; tài khoản thanh toán; ...
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt: dịch vụ thu tiền có quản lý thông tin; dịch vụ chi tiền mặt tại quầy HDBank; dịch vụ Ủy thác thanh toán; dịch vụ Chi lương nhân viên/ hoa hồng đại lý; gói giải pháp tài chính số dành cho Trường học; dịch vụ thu/chi tiền mặt tại địa điểm chỉ định; ...
 - Dịch vụ thanh toán: Nộp thuế, lệ phí Hải quan điện tử & thông quan 24/7; nạp tiền giao thông EPASS; thanh toán học phí SSC; thanh toán hóa đơn; thu ngân sách nhà nước chi cơ quan thuế tại quầy giao dịch & nộp thuế điện tử; ...
 - *Tín dụng*:
 - Tài trợ vốn lưu động: Thấu chi tài khoản doanh nghiệp; sản phẩm tài trợ chi lương cho khách hàng doanh nghiệp; eCredit – Cấp tín dụng doanh nghiệp online; tài trợ doanh nghiệp thanh toán tiền điện, chi lương; eDrawdown – Giải ngân Online; tài trợ doanh nghiệp cung ứng Dược và vật tư y tế cho Bệnh viện/ Sờ Y tế; tài trợ cho các nhà thầu; ...
 - Tài trợ trung dài hạn: Tài trợ khách hàng doanh nghiệp đầu tư xây dựng, mua lại nhà xưởng – nhà kho; tài trợ cho khách hàng doanh nghiệp xây lắp các dự án điện mặt trời trên mái nhà;
 - *Tài trợ thương mại*: tài trợ chuỗi; tài trợ nhập khẩu; tài trợ xuất khẩu; dịch vụ nhập khẩu; dịch vụ xuất khẩu; dịch vụ thanh toán biên mậu;
 - *Ngân hàng đại lý*: Tài khoản Nostro; quan hệ ngân hàng đại lý (Swift RMA);
 - *Ngoại tệ & Phái sinh*: Mua & bán ngoại tệ; phái sinh lãi suất; phái sinh giá cả hàng hóa.

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Tại thời điểm 31/12/2023, thị phần của HDBank về tổng tài sản, dư nợ cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành lần lượt là 4,11%; 3,42% và 3,78%.

Bảng 27: Thị phần về tổng tài sản, dư nợ cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay khách hàng	Tiền gửi của khách hàng
HDBank (tỷ Đồng)	602.315	343.404	370.778
Thị phần HDBank so với các ngân hàng trong ngành (*)	4,11%	3,42%	3,78%

Nguồn: (*) Số liệu được tính toán theo dữ liệu từ BCTC hợp nhất năm 2023 của 27 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Một số dự án đã và đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của HDBank
1	RLOS & CLOS: Hệ thống khởi tạo, quản lý và cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp	Đang thử nghiệm Pilot dịch vụ trên môi trường thật cả hệ thống CLOS & RLOS.	- Quản lý toàn bộ vòng đời của quy trình cấp tín dụng từ giai đoạn khởi tạo đến khi phê duyệt và cấp tín dụng.
2	Kiosk Banking - Tối ưu mạng lưới CN&ATM	Đã hoàn thành việc thử nghiệm bộ giải pháp và bắt đầu đưa vào triển khai kinh doanh, chuyển giao sang giai đoạn BAU.	- Đóng vai trò rất quan trọng trong việc thay thế nghiệp vụ tại quầy thông qua các công nghệ số hóa 4.0, đặc biệt thể hiện hình ảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của HDBank trong giai đoạn 3 năm tới. - Cho phép khách hàng chủ động thao tác, dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng thông qua Kiosk Banking.
3	HDBank Loyalty – Chương trình khách hàng thân thiết	Đã hoàn thành dự án bao gồm các phạm vi tích điểm, đổi điểm và tiếp tục phối hợp làm giàu	- Khuyến khích khách hàng đăng ký tham gia chương trình khách hàng thân thiết của HDBank và thúc đẩy khách

HDB124023

		dịch vụ/tiện ích cho khách hàng.	<p>hàng thực hiện giao dịch trên các ứng dụng HDBank để tích điểm.</p> <p>- Đẩy mạnh việc khách hàng tham gia vào hệ sinh thái của tập đoàn để hưởng các ưu đãi khác.</p>
4	Dự án PwC tư vấn mô hình xếp hạng tín dụng (Credit Scoring) cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp	Đã hoàn thành dự án.	<p>- Hỗ trợ phê duyệt tín dụng: Cải thiện tính chính xác và hiệu lực của việc ra quyết định cấp tín dụng, cung cấp phương tiện hỗ trợ để quá trình này trở nên hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm bớt sự can thiệp từ con người.</p> <p>- Thực hiện quản trị rủi ro tín dụng: Xếp hạng tín dụng nội bộ là một công cụ để đánh giá mức rủi ro của khách hàng; đánh giá hiệu quả quá trình quản trị rủi ro của các bộ phận liên quan, bảo đảm việc cấp tín dụng được quản lý phù hợp, các tài sản có rủi ro tín dụng nằm trong các giới hạn, thống nhất với các tiêu chuẩn thận trọng và khả năng phát hiện rủi ro sớm.</p> <p>- Hỗ trợ xác định giá khoản tín dụng; Hỗ trợ quản lý và quản trị khách hàng.</p> <p>- Hỗ trợ công tác quản lý thông tin (MIS) theo danh mục và tạo lập báo cáo.</p>
5	Dự án Tư vấn nâng cấp Basel II lên Basel III (phương pháp tiêu chuẩn)	Đã hoàn thành dự án.	<p>- Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc áp dụng các chỉ tiêu an toàn vốn với yêu cầu cao hơn so với Basel II, cải thiện năng lực quản lý rủi ro, đặc biệt là quản lý rủi ro thanh khoản và hoàn thiện hơn hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>- Quảng bá thương hiệu, khẳng định vị thế trên thị trường. Việc tiên phong đáp ứng các yêu cầu cao về quản trị rủi ro là</p>

			<p>ơ hội để Ngân hàng nâng cao danh tiếng, sự tín nhiệm của khách hàng, đặc biệt là các tổ chức nước ngoài.</p>
6	Dự án tư vấn Quản trị ESG và tài chính bền vững	Đang triển khai dự án.	<p>- Hỗ trợ Ngân hàng trong hành trình triển khai ESG, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng, xây dựng được chiến lược và quản trị ESG toàn diện trên toàn hàng, nâng cao công tác Quản trị rủi ro ESG, đánh giá một cách toàn diện khung tài chính xanh và bền vững cũng như triển khai công cụ báo cáo ESG tiên tiến, góp phần thực hiện cam kết net zero năm 2050 của Việt Nam.</p>
7	Quản lý rủi ro hoạt động hướng đến tương lai	Đang vận hành thực tế.	<p>- Triển khai mô hình quản lý rủi ro hoạt động hiện đại cùng với các công cụ giúp nhận diện, đo lường, giám sát và quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả, chủ động nắm bắt các dấu hiệu cảnh báo rủi ro sớm để có biện pháp quản trị rủi ro hoạt động kịp thời, lan tỏa văn hóa quản lý rủi ro tới toàn hệ thống Ngân hàng...từ đó trở thành thành điểm đến tin cậy của các nhà đầu tư và khách hàng.</p>
8	Cải tiến danh mục sản phẩm Quản lý tài sản và Banca	Đã đưa vào hoạt động Trung tâm Khách hàng ưu tiên.	<p>- Danh mục sản phẩm dành cho Khách hàng ưu tiên không chỉ là những sản phẩm ngân hàng truyền thống, mà còn bao gồm các sản phẩm có tính sinh lời cao, rủi ro kiểm soát được nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm và cung cấp cho khách hàng những giải pháp tài chính cho đầu tư, tích lũy và bảo hiểm.</p>

9	Chương trình mở rộng độ phủ của ngân hàng tại nông thôn	Triển khai toàn hàng trong Quý IV/2024.	- HDBank phát triển mạng lưới cộng tác viên tại khu vực nông thôn, thông qua ứng dụng trên điện thoại di động, đưa những sản phẩm ngân hàng đơn giản đến nhóm Khách hàng chưa được quan tâm đúng mức.
---	---	---	---

Nguồn: HDBank

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm gần nhất

a) Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 28: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2024
Tổng giá trị tài sản	404.276	589.986	45,94%	617.102
Vốn chủ sở hữu	36.122	43.752	21,12%	50.189
Thuế và các khoản phải nộp	2.528	3.206	26,82%	3.677
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.274	47.041	66,38%	38.346
Thu nhập lãi thuần	13.381	17.305	29,33%	18.635
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.196	1.348	-38,62%	307
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	704	243,41%	622
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	147,06%	63
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	272,84%	-73
Lãi thuần từ hoạt động khác	181	-89	-149,17%	66
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	384	7,56%	-
Chi phí hoạt động	6.476	6.834	5,53%	6.689

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.173	14.026	37,87%	12.930
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	698	1.290	84,81%	1.204
Lợi nhuận trước thuế	9.475	12.736	34,42%	11.727
Lợi nhuận sau thuế	7.649	10.186	33,17%	9.264
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	23,75%	25,50%	-	26,30%
Tỷ lệ trả cổ tức	25,00%	30,00%	-	-

Nguồn: HDBank

Bảng 29: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2024
Tổng giá trị tài sản	416.273	602.315	44,69%	629.569
Vốn chủ sở hữu	38.995	46.400	18,99%	53.584
Thuế và các khoản phải nộp	2.865	3.441	20,10%	3.947
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	33.323	52.641	57,97%	42.846
Thu nhập lãi thuần	18.012	22.184	23,16%	22.654
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.957	2.188	-26,01%	993
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	565	321,64%	609
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	42	147,06%	63
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1.167	272,84%	-73
Lãi thuần từ hoạt động khác	528	259	-50,95%	312
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	9	28,57%	22
Chi phí hoạt động	8.631	9.129	5,77%	8.435

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13.336	17.284	29,60%	16.145
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.068	4.268	39,11%	3.490
Lợi nhuận trước thuế	10.268	13.017	26,77%	12.655
Lợi nhuận sau thuế	8.209	10.336	25,91%	10.011
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	23,53%	24,21%	-	26,70%
Tỷ lệ trả cổ tức	25,00%	30,00%	-	-

Nguồn: HDBank

Năm 2023, HDBank đã hoàn thành 98,6% kế hoạch lợi nhuận hợp nhất và 103,4% kế hoạch riêng lẻ và các chỉ tiêu tài chính cơ bản khác vượt kế hoạch chiến lược và cam kết với nhà đầu tư. Một số điểm nhấn nổi bật như sau: Tổng tài sản tại 31/12/2023 theo BCTC hợp nhất đạt 602.315 tỷ VND, tăng 44,7% so với cuối năm 2022 và vượt 15,8% so với kế hoạch; Quy mô vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023 đạt 46.400 tỷ VND, tăng 19% so với cuối năm 2022. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ với LNST đạt 10.336 tỷ VND, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 25,9% so với cùng kỳ năm 2022. HDBank duy trì tỷ lệ sinh lời nằm trong TOP các ngân hàng với ROAA liên tục tăng qua các năm, đạt 2,03% năm 2023 và nhiều năm liền ROEA duy trì trên 20%, đạt 24,2% năm 2023. Lợi nhuận của HDBank năm 2023 đạt kết quả tích cực là nhờ: Thu nhập lãi thuần đạt 22.184 tỷ đồng, tăng 23,1% so với cuối năm 2022, hoạt động kinh doanh mua bán chứng khoán đầu tư và hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2022, lần lượt tăng 272,8% và 321,6%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của HDBank đạt 24.580 tỷ đồng, tăng 35,4% so với cùng kỳ năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 12.655 tỷ đồng, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, HDBank tiếp tục duy trì vị thế một trong các ngân hàng hiệu quả cao trong ngành, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt tới 26,7%.

Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Cơ cấu lãi thuần hợp nhất của HDBank năm 2023 bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, Thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 84%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ như: nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ; nghiệp vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm...) giảm 26% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm tỷ trọng 8,28%. Trong 9 tháng đầu năm 2024 theo báo cáo tài chính hợp nhất, tỷ trọng thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt lần lượt 92,16% và 4,04%.

Bảng 30: Cơ cấu lãi thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	13.381	80,37%	17.305	82,96%	29,33%	18.635	94,98%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.196	13,19%	1.348	6,46%	-38,62%	307	1,56%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	205	1,23%	704	3,38%	243,41%	622	3,17%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	17	0,10%	42	0,20%	147,06%	63	0,32%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1,88%	1.167	5,59%	272,84%	-73	-0,37%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	357	2,14%	384	1,84%	7,56%	0	0,00%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	181	1,09%	-89	-0,43%	-149,17%	66	0,34%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	16.650	100,00%	20.861	100,00%	25,29%	19.620	100,00%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 31: Cơ cấu lãi thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	18.012	81,99%	22.184	83,98%	23,16%	22.654	92,16%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.957	13,46%	2.188	8,28%	-26,01%	993	4,04%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	134	0,61%	565	2,14%	321,64%	609	2,48%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	17	0,08%	42	0,16%	147,06%	63	0,26%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	313	1,43%	1.167	4,42%	272,84%	-73	-0,30%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7	0,03%	9	0,04%	28,57%	22	0,09%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	528	2,40%	259	0,98%	-50,95%	312	1,27%
Tổng lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh	21.968	100,00%	26.414	100,00%	20,24%	24.580	100,00%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Bảng 32: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	14.893	29.736	99,66%	19.711
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52,67%	63,21%		51,40%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	351	640	82,56%	1.338
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	13,77%	32,19%		81,34%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	6.476	6.834	5,53%	6.689
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	38,90%	32,76%		34,09%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	698	1.290	84,81%	1.204
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6,86%	9,20%		9,31%

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần)

Bảng 33: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng/giảm	9 tháng đầu năm 2024
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	15.312	30.457	98,91%	20.192
	Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	45,95%	57,86%		47,13%
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	352	642	82,39%	1.341
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ	10,64%	22,68%		57,43%
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	8.631	9.129	5,77%	8.435
	Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động (*)	39,29%	34,56%		34,32%
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.068	4.268	39,11%	3.490
	Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	23,01%	24,69%		21,62%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

(*) Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động = Chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động (thuần)

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động hợp nhất của HDBank, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm 62,90% chi phí hoạt động năm 2022 và 56,20% chi phí hoạt động trong năm 2023; chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động, lần lượt là 10,35% năm 2022 và 10,92% năm 2023; chi phí hoa hồng cho đại lý có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động lần lượt là 6,11% năm 2022 và 6,55% trong năm 2023.

Trong 9 tháng đầu năm 2024 theo số liệu hợp nhất, tổng chi phí hoạt động của HDBank tăng 29,79% so với cùng kỳ năm trước, ở mức 8.435 tỷ đồng. Trong đó, chi phí nhân viên vẫn là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 58,13% trên tổng chi phí hoạt động; chi về tài sản và chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi lần lượt chiếm tỷ trọng là 9,61% và 6,14%.

Bảng 34: Cơ cấu chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	4.123	63,67%	3.682	53,88%	-10,70%	3.713	55,51%
Chi về tài sản	797	12,31%	896	13,11%	12,42%	726	10,85%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	0	0,00%	0	0,00%	n/a	0	0,00%
Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	316	4,88%	452	6,61%	43,04%	301	4,50%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	326	5,03%	591	8,65%	81,29%	485	7,25%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	162	2,50%	285	4,17%	75,93%	316	4,72%
Chi phí hoạt động khác	752	11,61%	928	13,58%	23,40%	1.148	17,16%
Tổng chi phí hoạt động	6.476	100,00%	6.834	100,00%	5,53%	6.689	100,00%

Nguồn: HDBank

Bảng 35: Cơ cấu chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2022		2023		% tăng/ giảm	9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí nhân viên	5.429	62,90%	5.130	56,20%	-5,51%	4.903	58,13%
Chi về tài sản	893	10,35%	997	10,92%	11,65%	811	9,61%
Chi phí hoa hồng cho đại lý	527	6,11%	598	6,55%	13,47%	315	3,73%

Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết	325	3,77%	466	5,10%	43,38%	316	3,75%
Chi phí quảng cáo, tiếp thị và khuyến mãi	343	3,97%	603	6,61%	75,80%	518	6,14%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	162	1,88%	285	3,12%	75,93%	316	3,75%
Chi phí hoạt động khác	952	11,03%	1.050	11,50%	10,29%	1.256	14,89%
Tổng chi phí hoạt động	8.631	100,00%	9.129	100,00%	5,77%	8.435	100,00%

Nguồn: HDBank

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Năm 2022-2023, nền kinh tế thế giới diễn biến với bối cảnh tăng trưởng chậm, lạm phát cao, thương mại toàn cầu sụt giảm, giá cả hàng hóa cơ bản biến động mạnh và xung đột địa chính trị lên cao. Ngân hàng trung ương các nước liên tục giữ lãi suất cao và các đồng tiền liên tục mất giá. Trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tiêu dùng cũng bị tác động và gặp nhiều thách thức. Ngành ngân hàng nói chung và HDBank nói riêng chịu tác động bởi những nhân tố như sau:

a) Những nhân tố thuận lợi

- Định hướng có tầm nhìn chiến lược của HĐQT và sự chỉ đạo kịp thời, đúng đắn của Ban lãnh đạo, HDBank đã chủ động được các phương án ứng phó, thích nghi nhanh với những biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Khẳng định uy tín thương hiệu và vị thế trên thị trường, trở thành ngân hàng có độ nhận diện thương hiệu và sức khỏe thương hiệu thuộc Top dẫn đầu các Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Bộ máy tổ chức ổn định, mô hình tổ chức mới được triển khai hoạt động mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng;
- HDBank đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của mọi người dân – Ngân hàng số hạnh phúc;
- HDBank đã linh hoạt đưa ra các phương án, sáng kiến nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của khách hàng, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do những tác động của nền kinh tế. Nhờ đó, HDBank đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả hoàn thành tốt kế hoạch năm 2022, tăng trưởng cao cả về quy mô và chất lượng;
- Trong năm 2023 ngân hàng đã và đang tăng tốc số hóa toàn diện từ quy trình vận hành, báo

cáo, quản trị, đến số hóa các hành trình khách hàng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng;

- HDBank kiên định chiến lược phát triển bền vững, tập trung cho bán lẻ và số hóa gắn với nỗ lực nâng cao trải nghiệm và giá trị cho khách hàng, và là một trong những Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng nhanh trong nhiều năm qua. Đồng thời, HDBank cũng đặt ra cho mình những trách nhiệm cụ thể hướng tới mục tiêu “phát triển bền vững”. Các mục tiêu chiến lược của HDBank được cụ thể hóa thành các sáng kiến chiến lược và các hành trình. Đến nay, các sáng kiến đã dần đưa vào vận hành góp phần tạo nền tảng vững chắc, tạo đà cho HDBank tiến gần đến kết quả mục tiêu 5 năm vào năm 2025.

b) Những yếu tố bất lợi

- Tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm 2023 ở mức thấp hơn so với năm 2022 do tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt tại phần lớn các quốc gia trên thế giới nhằm kiềm chế lạm phát, tổng cầu phục hồi yếu, những bất ổn về địa chính trị có xu hướng gia tăng, và sự thiếu ổn định của chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Tăng trưởng tín dụng chưa cao và ngày càng khó khăn do cạnh tranh của hệ thống và các doanh nghiệp thu hẹp kinh doanh;
- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi;
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay... tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

7.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong năm báo cáo

Năm 2024, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại.

Nền kinh tế Việt Nam vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là triển khai các giải pháp trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng,... Tuy nhiên, với những thành quả đạt được của năm 2023, nhiều tổ chức quốc tế có uy tín đánh giá cao kết quả và triển vọng của nền kinh tế nước ta và dự báo Việt Nam sẽ phục hồi nhanh trong thời gian tới.

Nhằm tạo ra những đột phá trong hoạt động, bên cạnh những nền tảng đã đạt được trong năm 2023, HDBank kiên trì với các mục tiêu chiến lược đã đề ra và tiếp tục duy trì tốc độ phát triển trên nền tảng số, đẩy mạnh triển khai hoàn thiện các sáng kiến theo chiến lược, mạnh mẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành Ngân hàng, sớm trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu ở Việt Nam.

8. Vị thế của Ngân hàng so với các ngân hàng khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của HDBank trong ngành

Thương hiệu HDBank

Hành trình 34 năm bền bỉ dựng xây thương hiệu HDBank và 10 năm đổi mới (giai đoạn 2013-2023) đã đưa HDBank lên một vị thế mới đầy tự hào: là ngân hàng thuộc nhóm dẫn đầu về bán lẻ, SME và tiêu dùng, với tốc độ tăng trưởng cao, nợ xấu thấp, hiệu quả trong nhóm cao nhất ngành.

Tổng tài sản tăng gấp 10 lần, tiên phong triển khai toàn diện Basel III

Tính đến 31/12/2023, lần đầu tiên, tổng tài sản HDBank vượt mốc 612.305 tỷ đồng gấp 7 lần cuối năm 2013 với tốc độ tăng trưởng kép 21,5% mỗi năm trong thập kỷ đổi mới. Lợi nhuận tiếp tục lập kỷ lục mới với trên 13.000 tỷ đồng, tăng 26,8% so với cùng kỳ và gấp 54 lần lợi nhuận năm 2013. Các chỉ tiêu sinh lời ROE đạt 24,2%, ROA đạt trên 2%, trong nhóm ngân hàng có hiệu quả ngân hàng cao nhất. Đồng thời hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 12,6%, tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ chỉ 1,5%, hợp nhất đạt 1,8%, trong nhóm những ngân hàng có tỷ lệ an toàn vốn và chất lượng tài sản tốt nhất.

Tháng 7/2023, HDBank đã hoàn thành triển khai nâng cấp toàn diện Basel II lên Basel III Reforms ở tất cả các chỉ số. Với việc áp dụng chuẩn mực Basel III Reforms, HDBank tiên phong nâng cao chuẩn mực quản trị rủi ro, vượt trên những yêu cầu của cơ quan quản lý để hướng tới các chuẩn mực quốc tế tốt nhất. HDBank đã sẵn sàng áp dụng chỉ số CAR theo Basel III ngay khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo chỉ số này ở mức tốt hơn so với khuyến nghị, tuân thủ đầy đủ quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). Các tỷ lệ an toàn khác theo Basel III như tỷ lệ đòn bẩy, LCR, NSFR... đều đạt mức tốt. Hệ thống kiểm soát nội bộ tiếp tục được hoàn thiện và nâng cấp.

Bước tiến quan trọng này tiếp tục khẳng định nền tảng quản trị rủi ro toàn diện và hiệu quả của HDBank trong hoạt động, nâng cao uy tín và cạnh tranh trên thị trường.

Đẩy mạnh lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Đưa các sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng hiện đại đến với khách hàng tại địa bàn đô thị loại hai và nông thôn là một trong những trọng tâm chiến lược được HDBank triển khai trong nhiều năm qua theo chiến lược phát triển bền vững. Bước đi đầu tiên trong chiến lược này được thực hiện năm 2013 với việc sáp nhập thành công ngân hàng TMCP Đại Á để qua đó mở rộng mạng lưới điểm giao dịch, cơ sở khách hàng tại các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ, Miền Trung và Tây Nguyên, đồng thời nâng cao năng lực tài chính, năng lực cung cấp sản phẩm dịch vụ. Cũng trong năm 2013, HDBank mua lại 100% công ty tài chính tiêu dùng Societe Generale Viet Finance, trực thuộc tập

đoàn Societe Generale (Cộng hòa Pháp) để mở rộng cơ sở khách hàng tới đối tượng người có thu nhập thấp và bị hạn chế về tiếp cận tín dụng tại các tỉnh, thành trên toàn quốc.

Trong một thập kỷ qua HDBank từng bước khẳng định vị thế ngân hàng trong nhóm dẫn đầu tại khu vực này thông qua việc gia tăng mạnh mẽ số lượng khách hàng, mạng lưới điểm giao dịch cũng như quy mô dư nợ tài trợ nông nghiệp, nông thôn. Hiện trên 60% số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của HDBank được đặt tại các đô thị loại hai và nông thôn. Hơn 2,3 triệu khách hàng trong tổng số 4,3 khách hàng của ngân hàng mẹ đến từ khu vực này. Tổng dư nợ của khách hàng tại khu vực nông thôn và đô thị loại hai những năm gần đây thường xuyên đóng góp từ 50% - 55% tổng dư nợ toàn hàng với tỷ lệ nợ xấu thấp hơn mặt bằng chung, trong đó dư nợ cho vay ngành nông, lâm, thủy sản tới cuối năm 2023 đã gấp trên 7 lần so với thời điểm 2013, tăng trưởng nhanh hơn các ngành nghề khác. HDBank là đơn vị tiên phong triển khai tài trợ các chuỗi giá trị toàn diện, từ hộ nông dân tới các doanh nghiệp thu mua, chế biến nông sản và nhà xuất khẩu. Không chỉ cung cấp sản phẩm, dịch vụ, HDBank còn phối hợp với các địa phương, đối tác triển khai nhiều chương trình cung cấp kiến thức về các sản phẩm, dịch vụ tài chính, ngân hàng, hỗ trợ người nông dân làm quen và ứng dụng thương mại điện tử để quảng bá và bán sản phẩm trên các nền tảng trực tuyến. Tại HD SAISON, quy mô tổng tài sản, dư nợ đã tăng trưởng liên tục, đạt gấp hơn 10 lần sau 10 năm qua, quy mô dư nợ tại địa bàn nông thôn cũng tăng tương ứng, với tỷ lệ nợ xấu thấp so với ngành. Hoạt động của công ty không chỉ đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của HDBank mà còn giúp hàng triệu người dân tiếp cận được tín dụng, tránh được bẫy tín dụng đen, góp phần giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống.

Trong xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ, năm 2023, HDBank là đơn vị tiên phong ra mắt ứng dụng HDBank Nông thôn dành riêng cho khách hàng tại khu vực này với các sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt, thân thiện và tiện ích, phù hợp với người dân tại nông thôn. Ứng dụng hỗ trợ tính năng vay vốn và hỗ trợ trong việc phát triển kinh doanh cũng như đầu tư tại địa phương. Ngoài ra, dịch vụ còn cung cấp các chương trình giáo dục tài chính, tư vấn và hỗ trợ khách hàng trong việc quản lý tài chính cá nhân và kinh doanh. Chỉ sau thời gian ngắn ra mắt, dịch vụ đã thu hút hàng chục nghìn cộng tác viên, khách hàng.

Trong giai đoạn sắp tới, phát triển nông nghiệp nông thôn tiếp tục là chương trình trọng tâm của HDBank trên hành trình phát triển bền vững, mang lại giá trị cao, tốt đẹp cho khách hàng, đối tác, cổ đông và cộng đồng xã hội.

Tiên phong chuyển đổi số, sức bật theo cấp số nhân

HDBank là một trong những ngân hàng tiên phong tự động hóa quy trình vận hành bằng robot để tối ưu hóa quy trình và giảm thiểu chi phí vận hành, bao gồm cả công tác nhân sự và hỗ trợ khách hàng. Trong năm vừa qua, HDBank đã số hóa lần lượt các hành trình Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, bao gồm mở tài khoản, mở thẻ tín dụng và mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, bán ngoại tệ trực tuyến, phát hành thư tín dụng để rút ngắn thời gian giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

HDBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hợp tác với AWS - công ty cung cấp dịch vụ điện toán đám mây hàng đầu thế giới thuộc tập đoàn toàn cầu Amazon.com, để đưa vào sử dụng dịch vụ Amazon Elastic Kubernetes tại HDBank, phục vụ mục tiêu chuyển đổi số toàn diện.

Ngoài ra, HDBank là ngân hàng đầu tiên sử dụng dịch vụ Swift Go tại thị trường Việt Nam, khẳng định một bước tiến quan trọng của HDBank trong hoạt động thanh toán quốc tế - lĩnh vực mà loạt định chế tài chính quốc tế vừa có các giải thưởng ghi nhận.

Chiến lược chuyển đổi số tại HDBank trong năm 2023 đã ghi nhận những thành quả sớm, đạt sức tăng trưởng theo cấp số nhân về nhiều mặt.

Trách nhiệm với cộng đồng

Cùng với hoạt động kinh doanh sôi nổi, HDBank chủ động thực thi trách nhiệm với cộng đồng, triển khai các chương trình hướng tới mục tiêu tài chính toàn diện, bao trùm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh.

Năm 2023, HDBank đã mở thêm 15 điểm giao dịch ngân hàng, nâng tổng số chi nhánh và phòng giao dịch lên hơn 360 điểm, góp phần tạo việc làm cho người dân địa phương đồng thời giúp họ có cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn nguồn vốn tín dụng và các dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại.

Năm 2023, HDBank đã dành hàng chục tỷ đồng cho các hoạt động tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (như xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, cầu nông thôn, trùng tu di tích lịch sử...); tài trợ cho giáo dục (trao tặng học bổng, nâng cấp và xây dựng trường học, tài trợ vốn đối ứng cho Đại học FulBright Việt Nam, tặng quà cho các làng trẻ em SOS...); tài trợ y tế (trao tặng thẻ Bảo hiểm y tế, kinh phí phẫu thuật mắt, kinh phí mua máy chạy thận...).

HDBank phối hợp cùng Tập đoàn FPT đã đóng góp, chung tay với Bộ Tài chính tham gia xử lý tình trạng nghẽn mạng trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Kết quả sau 3 tháng, hệ thống do 2 tập đoàn thực hiện đã được triển khai, chuyển giao, đưa vào hoạt động thông suốt, an toàn từ ngày 05/07/2021 với năng lực xử lý gấp 3-5 lần hệ thống cũ. Với hệ thống giao dịch mới (3-5 triệu lệnh/ngày), hệ thống mới sẽ đáp ứng nhu cầu của HOSE và thị trường ít nhất 3- 5 năm tới, đồng thời HOSE hoàn toàn làm chủ về công nghệ để có thể mở rộng trong tương lai.

40 danh hiệu và giải thưởng uy tín là những ghi nhận xứng đáng dành cho HDBank trong năm 2023 – năm mà nền kinh tế trong và ngoài nước chứng kiến nhiều biến số. Trong đó, có Bằng khen của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh với thành tích xuất sắc trong công tác nộp Ngân sách Nhà nước, ghi dấu mốc 5 năm liên tiếp HDBank đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong việc chấp hành pháp luật về thuế và thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước.

Năm 2024, Ngân hàng tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được để triển khai thắng lợi các chương trình chiến lược giai đoạn 2021- 2025, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành ngân hàng, nền kinh tế và sự thịnh vượng của toàn xã hội.

Xét về mặt quy mô:

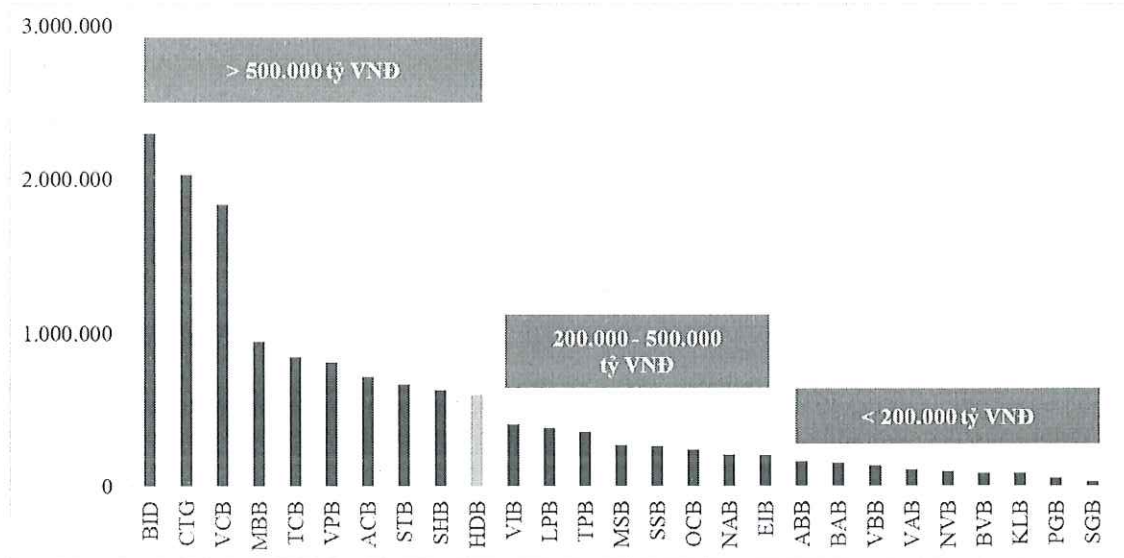
Tính đến 31/12/2023, TTS của HDBank đạt 602.315 tỷ VND, tăng trưởng mạnh, tăng 44,7% so với năm 2022, xếp trong top 10 NHTM có TTS lớn nhất. Vốn chủ sở hữu đạt 46.400 tỷ VND, thuộc trong top 9 NHTM niêm yết và đăng ký giao dịch (Upcom) có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận trước thuế của HDBank năm 2023 đạt 13.017 tỷ VND, tăng 26,8% so với năm 2022, thuộc top 7 NHTM có lợi nhuận trước thuế cao nhất hệ thống. HDBank đã kiểm soát tốt chi phí vốn và duy trì biên lợi nhuận ròng (NIM) bền vững, nằm trong TOP các NHTM có tỷ lệ biên lãi ròng cao trong hệ thống tính đến cuối năm 2023. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu (NPL) chỉ chiếm 1,79%, là một trong số 10 NHTM niêm yết có tỷ lệ thấp nhất toàn hệ thống. Điều này chứng tỏ tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro và chất lượng tài sản của Ngân hàng.

Tỷ trọng tài sản sinh lời lên đến 87% quy mô tổng tài sản với các chỉ tiêu ROAE đạt 24,2%, ROAA đạt 2,03% - cao hơn bình quân ngành ngân hàng - giúp HDBank tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2023 cao nhất từ trước đến nay.

Biểu đồ 1: TTS của 27 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM



Nguồn: BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết của các ngân hàng đó.

Tỷ lệ an toàn vốn:

Tính đến hết 31/12/2023, tỷ lệ CAR của HDBank đạt xấp xỉ 12,6%. Tiên phong áp dụng các chuẩn mực quốc tế, năm 2023 HDBank đã hoàn thành triển khai nâng cấp toàn diện Basel II lên Basel III Reforms, sẵn sàng áp dụng từ năm 2024. Việc triển khai thành công chuẩn mực Basel III Reforms tạo cơ sở để HDBank tiếp tục tăng trưởng cao và bền vững trong bối cảnh thị trường nhiều biến



Handwritten signature or mark.

động. Bước tiến quan trọng này tiếp tục khẳng định nền tảng quản trị rủi ro vững chắc của HDBank trong hoạt động và ngày càng uy tín, đáp ứng các chuẩn mực ngành quốc tế. Dựa trên số liệu CAR được công bố bởi 27 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM thì CAR của HDBank nằm trong Top 8 NHTM có CAR lớn nhất.

Bảng 36: Vị thế của HDBank trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các NHTM	TTS 2023	VCSH 2023	LNTT 2023	NIM 2023	NPL 2023	CAR 2023
1	BID	2.300.814	122.917	27.650	2,58%	1,25%	9,18%
2	CTG	2.032.690	127.571	25.100	2,77%	1,13%	9,31%
3	VCB	1.839.223	168.543	41.244	3,19%	0,98%	11,59%
4	MBB	944.954	96.711	26.306	4,91%	1,60%	10,70%
5	TCB	849.482	131.628	22.888	3,96%	1,16%	14,40%
6	VPB	817.700	139.947	10.987	5,80%	5,01%	17,10%
7	ACB	718.795	70.956	20.068	3,89%	1,21%	12,48%
8	STB	674.390	45.734	9.595	4,01%	2,28%	9,11%
9	SHB	630.425	49.880	9.245	3,51%	2,85%	12,20%
10	HDB	602.315	46.400	13.017	5,13%	1,79%	12,57%
11	VIB	409.881	37.940	10.704	4,46%	3,14%	11,70%
12	LPB	382.863	34.117	7.039	3,24%	1,34%	12,24%
13	TPB	356.637	32.743	5.589	3,47%	2,05%	12,40%
14	MSB	267.006	31.298	5.830	3,87%	2,87%	12,76%
15	SSB	266.122	30.297	4.617	3,03%	1,94%	13,61%
16	OCB	239.454	29.411	5.227	3,52%	2,75%	13,30%
17	NAB	209.896	15.242	3.304	3,13%	2,11%	11,13%
18	EIB	201.417	22.445	2.720	2,82%	2,65%	13,43%
19	ABB	162.093	13.480	584	2,51%	2,91%	11,10%
20	BAB	152.268	10.848	1.036	2,19%	0,92%	8,56%
21	VBB	138.258	6.896	812	1,50%	2,56%	10,39%
22	VAB	112.207	8.011	928	1,75%	1,59%	9,30%
23	NVB	96.249	5.095	-667	1,23%	29,76%	9,22%
24	BVB	87.884	5.844	72	1,46%	3,31%	11,33%
25	KLB	86.973	5.758	719	2,78%	1,93%	9,73%
26	PGB	55.495	4.868	356	2,74%	2,56%	11,99%
27	SGB	31.501	4.069	332	3,22%	2,03%	17,74%

Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC, Báo cáo thường niên, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính, và Báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng

Vị thế của HDBank theo đánh giá của tổ chức Moody's Investors Service (Moody's)

Theo công bố mới nhất vào ngày 08/06/2023 của tổ chức đánh giá tín nhiệm quốc tế Moody's, HDBank tiếp tục được đánh giá mức xếp hạng B1 về rủi ro đối tác dài hạn bằng đồng nội tệ và ngoại tệ, đánh giá rủi ro đối tác dài hạn được duy trì mức B1. Xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành bằng nội tệ và ngoại tệ, xếp hạng tín nhiệm tiền gửi ngắn hạn bằng nội tệ và ngoại tệ đều giữ vững mức B1.

Xếp hạng tín nhiệm Nhà phát hành lần đầu HDBank theo đánh giá của tổ chức Fii Ratings

Theo công bố mới nhất vào ngày 29/03/2024 của Công ty cổ phần FiiRating (một tổ chức được Bộ Tài chính chứng nhận đủ điều kiện thực hiện xếp hạng tín nhiệm theo Giấy phép số 02/GCN-DVXHTN), HDBank tiếp tục được xếp hạng ở mức điểm "A" với triển vọng xếp hạng "Ổn định".

8.2. Triển vọng phát triển ngành ngân hàng

Một số động lực thúc đẩy triển vọng ngành ngân hàng trong trung - dài hạn bao gồm:

(i) *Tốc độ tăng trưởng GDP được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao*

Theo dự báo của Worldbank, tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2024 - 2025 dự kiến sẽ nằm trong khoảng 5,5% - 6,0%. Xu hướng gia tăng tín dụng cá nhân gắn liền với tăng trưởng kinh tế và nhu cầu đầu tư tài sản sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng tín dụng toàn ngành trong trung - dài hạn.

(ii) *Định hướng tăng trưởng quy mô vươn tầm thế giới và tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng*

Theo Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 08/08/2018 về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đưa ra chỉ tiêu phần đầu tới cuối năm 2025, có ít nhất từ 2 - 3 ngân hàng thương mại nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực Châu Á và 3 - 5 ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài; tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các NHTM lên khoảng 16% - 17%. Nhằm thực hiện mục tiêu và chiến lược này, trong các năm qua, các NHTM đã có những chuyển hướng mạnh mẽ trong quy mô tổng tài sản (nhờ tăng trưởng lợi nhuận) và cơ cấu hoạt động bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, hạn chế sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng, giảm thiểu những tác động tiêu cực của nền kinh tế. Cơ cấu thu nhập chuyển dịch sang hướng bền vững hơn khi các nguồn thu của ngân hàng trở nên đa dạng hơn với kinh doanh nguồn vốn, doanh thu thẻ, bảo hiểm, thanh toán, kinh doanh giấy tờ có giá, tư vấn giải pháp kinh doanh, tư vấn quản lý tài sản (wealth management) kinh doanh ngoại tệ...

(iii) *Ứng dụng chuyển đổi số sẽ tạo ra bước phát triển đột phá cho hoạt động kinh doanh ngân hàng*

Cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (được gọi là công nghiệp 4.0), với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật (IOT - Internet of Things), nền kinh tế nhân loại đang bước sang một giai đoạn phát triển mới và ngân hàng là một trong những ngành nghề đầu tiên "phải" chuyển đổi để thích ứng và đột phá trong cách thức vận hành và hoạt động kinh doanh. Đề

án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng hiện đại như ngân hàng số, internet banking, mobile banking, ví điện tử, liên kết thanh toán với các trang thương mại điện tử, các công ty cung ứng dịch vụ thanh toán..., các công ty fintech, số hóa toàn bộ việc thanh toán... góp phần tạo ra doanh thu dịch vụ (phi tín dụng) cho ngân hàng, quyết định vị thế, tính cạnh tranh và phát triển bền vững của hoạt động ngân hàng ngày nay.

Đi đầu trong xu hướng số hóa cũng chính là những ngân hàng có tỷ lệ CASA cao trong hệ thống như Techcombank, Vietcombank, MB Bank, Vietinbank, ACB, TP Bank... Với tỷ lệ CASA cao sẽ giúp ngân hàng có chi phí vốn thấp, tăng khả năng cạnh tranh và thị phần, biên lợi nhuận cao hơn và có dư địa phát triển nhiều sản phẩm mới, giảm thiểu rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng, từ đó tăng sức bật lợi nhuận toàn hệ thống.

(iv) Chính sách tiền tệ linh hoạt

Chính sách tiền tệ của NHNN hướng đến mục tiêu ưu tiên cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững; tăng tính độc lập của NHNN trong điều hành chính sách tiền tệ.

Điều hành chính sách tiền tệ chuyển dần từ điều hành theo khối lượng tiền sang chủ yếu điều hành theo giá; sử dụng công cụ gián tiếp, tiến tới dỡ bỏ dần các biện pháp hành chính về lãi suất khi điều kiện cho phép; tiếp tục điều hành nghiệp vụ thị trường mở theo hướng là công cụ chủ yếu điều tiết vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng, nhằm đạt được mục tiêu chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

NHNN đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế để có những điều chỉnh kịp thời trong các biện pháp nhằm ổn định mặt bằng lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, và hỗ trợ tăng trưởng cho nền kinh tế.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Để có thể vươn lên nhóm dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam, rút ngắn khoảng cách về quy mô với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước, HDBank liên tục thiết lập và thực thi các kế hoạch phát triển tận dụng lợi thế, đặc thù riêng, tiên phong triển khai các sáng kiến để đạt mục tiêu tăng trưởng mạnh về tổng tài sản, lợi nhuận, huy động vốn và dư nợ tín dụng... Đồng thời, HDBank cũng chú trọng các vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động ngân hàng thông qua công tác quản trị cũng như điều hành hệ thống theo các chuẩn mực quốc tế, hướng đến mô hình hoạt động hiện đại, cạnh tranh, bền vững.

Mặt khác, HDBank định hướng xây dựng một thương hiệu mạnh trên cơ sở phát huy nội lực, hoạt động minh bạch và gắn xã hội trong kinh doanh. Ngân hàng luôn đề cao tính minh bạch trong hoạt

động nhằm xây dựng và củng cố niềm tin từ khách hàng và cổ đông, làm tiền đề cho sự phát triển trong tương lai. Từng bước, HDBank đã và đang xây dựng nền tảng, định hướng, chiến lược tương thích với xu hướng phát triển chung của ngành, sẵn sàng cho thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Ngân hàng

HDBank luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Ngân hàng. Chính sách nhân sự của HDBank được xây dựng với mục đích đảm bảo nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh của HDBank. Tại ngày 30/09/2024 tổng số cán bộ nhân viên của HDBank (Ngân hàng Mẹ) là 10.302 người:

Bảng 37: Số lượng lao động của HDBank tại ngày 30/09/2024

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I. Phân theo giới tính		
Nam	4.579	44,45%
Nữ	5.723	55,55%
II. Phân loại theo trình độ		
Tiến sĩ	8	0,08%
Thạc sĩ	530	5,14%
Đại học	8.461	82,13%
Cao đẳng	843	8,18%
Trung cấp	161	1,56%
Trung học phổ thông trở xuống	299	2,90%
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động		
Hợp đồng xác định/ Hợp đồng không xác định thời hạn	10.055	97,60%
Thỏa thuận thử việc/ Hợp đồng học việc	247	2,40%
IV. Phân loại theo cấp bậc cán bộ nhân viên		
Cán bộ quản lý	1.296	12,58%
Chuyên viên/Nhân viên	9.006	87,42%

Nguồn: HDBank

9.2. Chính sách đối với người lao động

Xác định người lao động là tài sản quý giá nhất, HDBank luôn quan tâm và mang đến cho các cán bộ công nhân viên chế độ phúc lợi cạnh tranh, phù hợp quy định của Pháp luật và giúp người lao động yên tâm gắn bó và cống hiến cho Ngân hàng.

- Ngoài chế độ của Nhà nước, HDBank còn có những chế độ phúc lợi khác cho người lao động, như: cán bộ cấp quản lý được mua bảo hiểm sức khỏe và 100% người lao động được mua bảo

hiểm tai nạn 24/24, với mức bồi thường tối đa 30 tháng lương. Ngoài ra, cán bộ nhân viên có thâm niên tại Ngân hàng từ 02 năm cũng được HDBank mua Bảo hiểm sức khỏe để khám điều trị tại các bệnh viện chất lượng cao;

- Người lao động nghỉ thai sản được hưởng trợ cấp 1,5 tháng lương tối thiểu vùng;
- Ngân hàng có chính sách chi tiền mừng cho cán bộ nhân viên khi kết hôn, ngày sinh nhật cán bộ nhân viên và các ngày lễ (quốc tế phụ nữ 8/3, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, quốc tế thiếu nhi 1/6, sinh nhật ngân hàng...);
- Người lao động có thâm niên công tác từ 05 năm tại HDBank khi nghỉ hưu được nhận 01 tháng lương trước tháng nghỉ hưu;
- Cán bộ lãnh đạo có số ngày phép năm nhiều hơn quy định chung và tối đa lên đến 20 ngày/năm chưa bao gồm số ngày phép tăng theo thâm niên quy định của pháp luật;
- Ngân hàng tổ chức các chuyến tham quan/ chi trả tiền nghỉ mát, thưởng thâm niên, thưởng trình độ, thưởng Tết, trợ cấp cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Vào các ngày cuối năm, HDBank bồi dưỡng suất ăn cho cán bộ nhân viên phải về trễ để thực hiện quyết toán cuối năm. Cán bộ nhân viên có nhu cầu vay vốn cải thiện chất lượng cuộc sống sẽ được Ngân hàng xem xét hỗ trợ theo chính sách ưu đãi từng thời kỳ;
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động (ESOP) đối với cán bộ nòng cốt nhằm giữ chân nhân tài và tăng độ gắn kết của nhân viên;
- Trong các năm đại dịch và biến động kinh tế (2020 - 2022), Ngân hàng giữ vững cam kết không cắt giảm nhân sự và hỗ trợ CBNV trong mọi tình huống khẩn cấp do dịch bệnh, thiên tai.

Bên cạnh đó, HDBank thiết lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho từng vị trí và chức danh nhằm tạo điều kiện cho tất cả những nhân viên tiềm năng trở thành những cán bộ cấp quản lý và lãnh đạo Ngân hàng trong tương lai. Nhờ vào các chính sách lương thưởng hấp dẫn, các chương trình đào tạo và lộ trình thăng tiến rõ ràng, Ngân hàng đảm bảo có được nguồn lực có thâm niên và gắn bó lâu dài với HDBank.

Ngoài ra, HDBank tập trung sử dụng ứng dụng công nghệ trong việc tuyển dụng và thu hút nhân tài, đồng thời chú trọng đến tính gắn kết giữa nhân sự mới và Ngân hàng. Cụ thể, HDBank tích cực tổ chức các chương trình “Ngày hội việc làm” định kỳ hàng năm tại các trường đại học trên toàn quốc, tham dự các talkshow giữa lãnh đạo các Khối với các ứng viên tiềm năng, xây dựng Website và Fanpage tuyển dụng, đồng thời tăng cường truyền thông tuyển dụng thông qua các kênh email nội bộ, chương trình giới thiệu nhân sự nội bộ, ... Tất cả những nỗ lực này đã mang lại hiệu quả tích cực cho HDBank.

10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

10.1. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của HDBank được quy định tại Điều lệ của HDBank, cụ thể dựa trên các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các Cổ đông tại ĐHĐCĐ.

Bảng 38: Tình hình chi trả cổ tức của HDBank giai đoạn 2020 – 2023

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/ mệnh giá cổ phần	Tình trạng thanh toán	Hình thức chi trả
2020	25%	Đã thanh toán	Cổ phiếu
2021	25%	Đã thanh toán	Cổ phiếu
2022	25%	Đã thanh toán	10% Tiền mặt và 15% Cổ phiếu
2023	30%	Đã thanh toán 10% tiền mặt	10% Tiền mặt và 20% Cổ phiếu

Nguồn: HDBank

10.2. Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

❖ Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu

Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN và/hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng quy mô vốn hoạt động, tùy từng thời điểm HDBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ Thứ tự ưu tiên thanh toán

Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Trái Phiếu phát hành trong cùng Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Nguyên tắc hạch toán kế toán

HDBank thiết lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các TCTD hoạt động tại Việt Nam. HDBank có báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất.

Những nguyên tắc chính:

- Năm tài chính của Ngân hàng và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12;
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Ngân hàng và công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng Đồng Việt Nam, được làm tròn tới hàng triệu đồng gần nhất (“Triệu đồng”). Ngân hàng và công ty con xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và công nợ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối tháng được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày cuối tháng. Chênh lệch do đánh giá lại hàng tháng được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tài chính hợp nhất cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối năm.

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Dự phòng cụ thể

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định theo quy định của Thông tư 11 như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
(a) Số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam tại chính Ngân hàng	100%
(b) Trái phiếu Chính phủ, vàng miếng theo quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh vàng; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ tại chính Ngân hàng	95%
(c) Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; công cụ chuyển nhượng, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu do chính Ngân hàng phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có thời hạn còn lại dưới 1 năm ▪ Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm ▪ Có thời hạn còn lại trên 5 năm 	95% 85% 80%
(d) Chứng khoán do các TCTD khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
(e) Chứng khoán do doanh nghiệp (trừ TCTD) phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do TCTD khác có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành; Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do TCTD khác không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50% 30%
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành; Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30% 10%

(h) Bất động sản	50%
(i) Các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Khi tài sản bảo đảm không phải là vàng miếng, chứng khoán đã niêm yết, cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, trái phiếu Chính phủ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp (kể cả TCTD) đã niêm yết, đăng ký giao dịch; chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do doanh nghiệp (kể cả TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) phát hành, thì Ngân hàng và công ty con phải thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật để xác định giá trị bảo đảm được khấu trừ khi tính số tiền trích lập dự phòng cụ thể cuối năm tài chính trong các trường hợp sau đây:

- Tài sản bảo đảm mà Ngân hàng và công ty con định giá từ 50 tỷ đồng trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Ngân hàng và công ty con và các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung);
- Tài sản bảo đảm mà Ngân hàng và công ty con định giá từ 200 tỷ đồng trở lên.

Đối với các trường hợp khác, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng và công ty con.

Trường hợp không có văn bản định giá tài sản bảo đảm của tổ chức định giá và không xác định được giá trị tài sản bảo đảm theo quy định nội bộ thì giá trị tài sản bảo đảm khấu trừ phải coi bằng 0 (không).

Dự phòng chung

Dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Chứng khoán kinh doanh: bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày Ngân hàng có quyền sở hữu chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư: chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp

thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dự trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

❖ **Trích khấu hao tài sản**

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Bảng 39: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc thiết bị	7 – 14 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm vi tính	3 – 8 năm
TSCĐ khác	4 – 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	6 – 49 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Lãi hoặc lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

❖ **Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Nghị định 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017, Ngân hàng và công ty con phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

Bảng 40: Trích lập các quỹ

Loại	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% LNST	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% LNST	Không quy định mức tối đa

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được ĐHCĐ phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

❖ **Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Bảng 41: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2022	Số dư tại 31/12/2023	30/09/2024	
			Số phải nộp	Số dư
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.306	1.769	2.463	895
Thuế giá trị gia tăng	32	64	610	35
Thuế thu nhập cá nhân	90	20	458	22
Thuế nhà thầu	14	17	75	5
Khác	0	0	71	0
Tổng	1.442	1.870	3.677	957

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2024 của HDBank

Bảng 42: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2022	Số dư tại 31/12/2023	30/09/2024	
			Số phải nộp	Số dư
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.338	1.821	2.645	957
Thuế giá trị gia tăng	38	71	662	41
Thuế thu nhập cá nhân	94	21	492	25
Thuế nhà thầu	14	17	77	6
Khác	0	0	71	0
Tổng	1.483	1.929	3.947	1.029

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã kiểm toán và BCTC Quý III năm 2024 của HDBank

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 43: Một số chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng từ năm 2022 đến 30/09/2024 (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	25.303	29.076	29.076
Tổng tài sản có	tỷ Đồng	404.276	589.986	617.102
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	12,80%	12,21%	14,38%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Huy động khách hàng	tỷ Đồng	215.797	370.778	397.019
Dư nợ cho vay khách hàng	tỷ Đồng	247.018	327.318	381.463
Dư nợ hoạt động mua nợ	tỷ Đồng	0	0	0
Doanh số thu nợ khách hàng (**)	tỷ Đồng	224.660	263.619	261.629
Nợ quá hạn	tỷ Đồng	8.946	21.469	19.867
Nợ khó đòi	tỷ Đồng	3.207	4.935	6.279
Hệ số sử dụng vốn (***)	%	9,90%	24,08%	20,55%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (****)	%	0,02%	1,94%	1,68%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	3,62%	6,56%	5,21%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	1,30%	1,51%	1,65%

HDB124023

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
3. Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản)	%	15,20%	22,47%	19,43%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VND)	%	63,10%	99,24%	129,51%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (ngoại tệ)	%	-250,64%	-189,45%	-693,42%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	9,90%	24,08%	20,55%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	76,56%	66,16%	71,90%

Nguồn: HDBank

Bảng 44: Một số chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng từ năm 2022 đến 30/09/2024 (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	25.303	29.076	29.076
Tổng tài sản có	tỷ Đồng	416.273	602.315	629.569
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	13,42%	12,57%	14,80%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Huy động khách hàng	tỷ Đồng	215.797	370.778	397.019
Dư nợ cho vay khách hàng	tỷ Đồng	263.856	343.404	398.724
Dư nợ hoạt động mua nợ	tỷ Đồng	0	0	0
Doanh số thu nợ khách hàng (**)	tỷ Đồng	245.886	285.787	280.661
Nợ quá hạn	tỷ Đồng	11.791	24.165	22.506
Nợ khó đòi	tỷ Đồng	4.404	6.160	7.568
Hệ số sử dụng vốn (***)	%	11,64%	24,95%	21,36%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (****)	%	0,02%	1,94%	1,68%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	4,47%	7,04%	5,64%
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	1,67%	1,79%	1,90%
3. Khả năng thanh toán				

HDB124023



Handwritten signature or mark.

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản)	%	15,20%	22,47%	19,43%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VND)	%	63,10%	99,24%	129,51%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (ngoại tệ)	%	-250,64%	-189,45%	-693,42%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	11,64%	24,95%	21,36%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	81,1%	68,69%	74,25%

Nguồn: HDBank

Lưu ý:

(*) Chỉ tiêu này được HDBank áp dụng theo quy định Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN (và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có) của NHNN).

(**) Doanh số thu nợ khách hàng là giá trị các khoản thu nợ trước hạn, đúng hạn, nợ quá hạn cho vay khách hàng.

(***) Chỉ tiêu "Hệ số sử dụng vốn": tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (theo quy định thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019).

(****) Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh: số liệu cam kết ngoại bảng sau phân loại nợ CIC (theo quy định của thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024).

12. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên HĐQT

Bảng 45: Danh sách Hội đồng Quản trị tại ngày 30/09/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Kim Byounggho	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT độc lập
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
3	Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Ông Nguyễn Hữu Đăng	Phó Chủ tịch HĐQT

HDB124023

6	Ông Lê Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Phạm Quốc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Nguồn: HDBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

12.1.1. Ông Kim Byounggho – Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Số Hộ chiếu:
- Năm sinh: 1961
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trường Kinh doanh Haas, Đại học California, Berkeley, Hoa Kỳ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 - nay	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2022 - nay	Thành viên HĐQT độc lập	SK Inc. (Hàn Quốc)
Từ 2018 – 2019	Thành viên Ủy ban Cố vấn cấp cao	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2015 - 2018	Phó Chủ tịch HĐQT	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 2014 – 2015	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2009 – 2014	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp/ Giám đốc Marketing/ Phó Chủ tịch	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 2005 – 2009	Giám đốc Tài chính/ Giám đốc Khối Nguồn vốn/ Giám đốc chiến lược/ Phó Chủ tịch	Hana Financial Group (Hàn Quốc)
Từ 1991 – 2005	Giám đốc Khối Kế hoạch Chiến lược/ Giám đốc Chi nhánh New York	Hana Bank (Hàn Quốc)
Từ 1988 – 1991	Giám đốc Quan hệ Khách hàng	First National Bank of Chicago (Hoa Kỳ)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT độc lập, SK Inc.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.1.2. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: _____
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân tài chính và tín dụng – Học viện kinh doanh Quốc tế Matxcova – Liên bang Nga
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2003 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2015 – nay	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 04/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2007 – 04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico
Từ 2019 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny
Từ 2020 – 2023	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH GalaxyOne
Từ 11/2013 – 05/2015	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HD Finance)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Năm 2006	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Năm 2005	Cổ đông, Sáng lập viên	Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)
Từ 1992 – 2021	Phó Chủ tịch, Chủ tịch điều hành, Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sovico

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico;
 - Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Hàng không Vietjet;
 - Phó Chủ tịch Thường trực HĐT, Công ty Tài chính TNHH HD SAISON;
 - Chủ tịch HĐT, Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 108.961.173 cổ phần, tương ứng 3,7218% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 418.633.813 cổ phần, tương ứng 14,3975% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.1.3. Ông Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1960
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế – Đại học New England (Úc)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Hàng không Vietjet

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2010 – 05/2023	Chủ tịch Ban đại diện	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam VFMVF1 (Nay là Quỹ Đầu tư Chứng khoán Năng động DC)
Từ 2011 – 2020	Giám đốc Điều hành	Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ 2020 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
Từ 2008 – 2009	Giám đốc	Công ty Cổ phần Sovico
Từ 2006 – 2008	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Năm 2006	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 1995 – 2006	Giám đốc chiến lược	Ngân hàng HSBC (Việt Nam)
Năm 1995	Giám đốc	Ngân hàng Vietcombank
Từ 1988 – 1995	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CCL Sài Gòn (thuộc Saigon Tourist)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT, Công ty CP Hàng không Vietjet;
 - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 8.579.363 cổ phần, tương ứng 0,2930% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.1.4. Ông Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1954
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ

- Năng lực chuyên môn: Tiến sĩ ngành Tài chính Ngân hàng – Đại học Tài chính Matxcova – Liên Xô
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 04/2022	Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT Độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 08/2020 – nay	Thành viên Hội đồng trường	Trường Đại học Hòa Bình
Từ 2009 – 2014	Cục trưởng Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1993 – 2009	Phó vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại	Bộ Tài chính
Từ 1991 – 1993	Trưởng phòng Thư ký Đoàn Văn phòng Bộ	Bộ Tài chính
Từ 1986 – 1991	Chuyên viên Ban Thư ký	Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) – Matxcova
Từ 1983 – 1986	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vụ Ngân sách Nhà nước	Bộ Tài chính
Từ 1981 – 1983	Cán bộ Vụ Tài vụ công nghiệp nặng	Bộ Tài chính
Từ 1977 – 1981	Giảng viên	Trường Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng trường – Trường Đại học Hòa Bình
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 270.000 cổ phần, tương ứng 0,0092% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 88.944 cổ phần, tương ứng 0,0030% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có.

12.1.5. Ông Nguyễn Hữu Đặng – Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ ngành Ngân hàng – Đại học GRIGGS (Hoa Kỳ)
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2020 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 – 2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 – 2007	Nhân sự phụ trách kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 12/2023	Tổng Giám đốc	Công ty TNHH GalaxyOne
Từ 1995 – 1999	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng Công thương Long An
Từ 1993 – 1995	Cán bộ chuyên quản các TCTD ngoài quốc doanh	NHNN Tỉnh Đồng Tháp

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 80.401.183 cổ phần, tương ứng 2,7463% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.1.6. Ông Lê Mạnh Dũng – Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1975

HDB124023

- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trung tâm Pháp – Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2022 – nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – nay	Đại diện tại Việt Nam	Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG)
Từ 2007 – 2012	Giám đốc Đầu tư	Mekong Capital
Từ 2005 - 2007	Giám đốc nhóm tư vấn định chế tài chính	Citi Capital Partners
Từ 1997 – 2004	Trưởng phòng Tín dụng	Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Hà Nội

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Đại diện tại Việt Nam của Tổ chức Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft mbH (DEG)
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHDCĐ.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có.

12.1.7. Ông Phạm Quốc Thanh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2023 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2020 – 04/2023	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2013 – 04/2020	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 07/2022 – nay	Thành viên Hội đồng Thành viên	Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
Từ 01/2012 – 02/2013	Giám đốc Khối CIB miền Nam	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 04/2007 – 12/2011	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 01/2006 – 03/2007	Giám đốc Chi nhánh Bình Tây	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 09/1995 – 12/2005	Trưởng phòng tín dụng	Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)
Từ 01/1994 – 08/1995	Nhân viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Từ 06/1993 – 12/1993	Nhân viên kế toán	Công ty May Việt Tiến

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT, Công ty Tài chính TNHH HD SAISON
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 5.826.725 cổ phần, tương ứng 0,1990% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 83 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.2. Danh Sách BKS**Bảng 46: Danh sách thành viên BKS tại ngày 30/09/2024**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Duy Tường	Trưởng BKS
2	Đường Thị Thu	Thành viên BKS
3	Bùi Thị Kiều Oanh	Thành viên BKS
4	Nguyễn Lê Hiếu	Thành viên BKS

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

12.2.1. Ông Đào Duy Tường – Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán– Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2010 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2007 – 2010	Kế toán trưởng	Công ty CP Đầu tư Sóng Việt
Từ 2007 – 2008	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	Công ty XNK Nhà Bè
Từ 2004 – 2007	Kế toán trưởng	Công ty CP ĐT XD & PT hạ tầng Phú An
Từ 1997 – 2004	Kế toán trưởng	Xí nghiệp 347, Công ty Sông Hồng - Bộ Quốc phòng

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 79.784.988 cổ phần, tương ứng 2,7252% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 4.836.661 cổ phần, tương ứng 0,1652% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm

12.2.2. Bà Đường Thị Thu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Học viện Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2020 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2014 – 2020	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2012 – 2014	Trưởng Kiểm toán Nội bộ Khu vực phía Bắc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2006 – 2012	Kiểm toán viên Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2002 – 2005	Giảng viên	Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 30.833 cổ phần, tương ứng 0,0011% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.2.3. Bà Bùi Thị Kiều Oanh – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:

- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – ĐH DL Thăng Long, Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2019 – 03/2022	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2016 – 2019	Phó giám đốc Phụ trách khối KHCN	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 2014 – 2016	Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Phòng Giao dịch An Đông	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 2010 – 2014	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank)
Từ 2003 – 2010	Kiểm soát viên Tín dụng – Chi nhánh Hải Phòng/ Chi nhánh Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHDCĐ.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.2.4. Ông Nguyễn Lê Hiếu – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1986
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ

- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ, chuyên ngành Kinh tế Phát triển – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2011 – nay	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê Gia Phát
Từ 2020 – 2021	Thành viên đội triển khai Basel	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
Từ 2019 – 2020	Nhân viên phòng Kiểm toán và Kiểm soát nội bộ	Công ty CP Tập đoàn Sovico
Từ 2016 – 2019	Trưởng Kiểm toán Nội bộ khu vực	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Năm 2015	Giám đốc Phòng giao dịch Chánh Hưng (tên cũ PGD Cao Thắng), Chi nhánh An Đông	Ngân hàng TMCP Nam Á (NamABank)
Từ 2014 – 2015	Trưởng kiểm toán nội bộ khu vực Đông Sài Gòn	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2013 – 2014	Kiểm toán viên nội bộ	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 – 2013	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
Từ 2009 – 2010	Cán bộ Quan hệ khách hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc, Công ty TNHH MTV Nguyễn Lê Gia Phát
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 711.563 cổ phần, tương ứng 0,0243% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quyết định của ĐHCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có.

12.3. Danh sách ban TGD, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

**Bảng 47: Danh sách Ban TGD, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng
tại ngày 30/09/2024**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Quốc Thanh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Đăng Thanh	Phó Tổng Giám đốc
6	Lê Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc
7	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
8	Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc
9	Nguyễn Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
10	Trần Xuân Huy	Phó Tổng Giám đốc
11	Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính
12	Hồ Đặng Hoàng Quyên	Kế toán Trưởng

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

12.3.1. Ông Phạm Quốc Thanh - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem tại thông tin Thành viên HĐQT

12.3.2. Ông Nguyễn Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội, Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Hàng Hải Việt Nam
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2000 – 2009	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)
Từ 1995 - 2000	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1994 - 1995	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 - 1994	Trưởng phòng Khách hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1992 - 11/1992	Nhân viên	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh Quảng Ninh
Từ 1985 - 1992	Giảng viên	Đại học Hàng Hải

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 967.556 cổ phần, tương ứng 0,0330% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 10.379 cổ phần, tương ứng 0,0004% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có.

12.3.3. Ông Lê Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Lãnh đạo

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1971
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – The International Business School of Scandinavia
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Lãnh đạo	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2009 - 2015	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2002 - 2009	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 1998 - 2002	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 1996 - 1998	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương
Từ 1993 - 1996	Chuyên viên	Công ty tài chính Seaprodex

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Lãnh đạo
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 1.036.543 cổ phần, tương ứng 0,0354% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.3.4. Ông Nguyễn Văn Hảo - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tiếng Anh – Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội; Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017- 11/2020	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương
Từ 07/2020 - 09/2020	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 04/2018 - 07/2020	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 06/2017 - 07/2020	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 03/2017 - 06/2017	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 09/2016 - 02/2017	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2016 - 08/2016	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 11/2015 - 04/2016	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 08/2015 - 10/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 05/2011 - 07/2015	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2009 - 04/2011	Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 08/2007 - 11/2009	Giám đốc Tài chính kế toán	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGBank)
Từ 12/2000 - 07/2007	Trưởng phòng kế toán và hệ thống	The bank of Tokyo Mitsubishi UFJ - Chi nhánh Hà Nội
Từ 12/1997 - 11/2000	Trưởng phòng kế toán; Kế toán trưởng	Công ty phát triển tin học, công nghệ và môi trường - Công ty thành viên của Tổng Công ty Than Việt Nam
Từ 06/1997 - 11/1997	Nhân viên	Công ty kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán Sài Gòn

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 934.000 cổ phần, tương ứng 0,0319% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.3.5. Ông Nguyễn Đăng Thanh - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kinh doanh tiền tệ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 09/7/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2019 - 10/2019	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
Từ 01/2018 - 01/2019	Tổng Giám đốc	Công ty CP Phát triển Đô thị Đông Dương
Từ 07/2016 - 12/2017	Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 04/2012 - 05/2016	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Kinh doanh miền Nam, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 01/2000 - 04/2012	Chuyên Viên R&D, Giám đốc Marketing kiêm Giám đốc Nhân sự, Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	Trung tâm thẻ, Phó Tổng Giám đốc	

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 750.000 cổ phần, tương ứng 0,0256% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.3.6. Ông Lê Thành Trung - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: _____
- Năm sinh: 1965
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Đại học Tổng hợp Quốc gia Taskensken, Tiến sĩ Kinh tế - Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 03/2012 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2014 - 12/2021	Chủ tịch	Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh
Từ 03/2007 - 03/2012	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Shinhan Bank Việt Nam
Từ 04/2004 – 03/2007	Giám đốc	Công ty Cho thuê tài chính Vietcombank – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
Từ 12/2002 – 03/2007	Phó Giám Đốc	Công ty Cho thuê tài chính Vietcombank

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 02/2002 - 12/2002	Chánh Văn phòng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Từ 01/1995 - 02/2002	Trưởng Văn phòng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Từ 10/1992 - 01/1995	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Từ 07/1990 - 10/1992	Giảng viên Luật	Trường Cán bộ kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 770.000 cổ phần, tương ứng 0,0263% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.3.7. Ông Trần Hoài Nam - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1965
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội; Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công nghiệp – Viện Công nghệ Châu Á
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2018 - nay	Thành viên HĐQT	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)
Từ 02/2012 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 - 10/2023	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2015 - 12/2021	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet
Từ 09/2007 - 02/2012	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)
Từ 02/1996 - 09/2007	Giám Đốc Quan hệ Khách hàng Cao cấp	Ngân hàng Citibank Việt Nam (Citibank)
Từ 08/1987 - 01/1996	Trưởng phòng	Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng/ Bộ Khoa học Công nghệ

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT, Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 2.974.964 cổ phần, tương ứng 0,1016% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 7.043 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.3.8. Ông Trần Thái Hòa - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1968
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Xây dựng cơ bản, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 05/2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 2010 - 2015	Phó Tổng giám đốc	Ngân hàng TMCP Việt Á
Từ 2008 - 2010	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Việt Á

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 1995 - 2008	Chuyên viên	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
Từ 1991 - 1994	Kinh doanh	

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 720.000 cổ phần, tương ứng 0,0246% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.3.9. Ông Nguyễn Cảnh Vinh - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1974
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Trường đại học Xây dựng Hà Nội; Cử nhân chuyên ngành Tài chính Ngân hàng – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Latrobe - Australia
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 03/2023 – nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
Từ 11/2022 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 10/2021 – 02/2022	Phó Chủ nhiệm Ủy ban chuyển đổi và Ngân hàng số kiêm thành viên Ủy ban quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)
Từ 05/2019 – 09/2021	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 04/2018 – 05/2019	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
Từ 09/2017 – 02/2018	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank)
Từ 03/2017 - 05/2017	Phó Tổng giám đốc kiêm Tổng giám đốc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (Techcombank AMC)	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 11/2014 – 02/2017	Giám đốc khối ngân hàng bán buôn	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 02/2011 - 10/2014	Giám đốc khối bán hàng và kênh phân phối	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 10/2009 – 01/2011	Giám đốc Vùng Bắc Bộ và Đông Bắc Bộ	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 03/2008 – 09/2009	Giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 10/2007 – 02/2008	Quyền giám đốc trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 03/2007 – 09/2007	Phó giám đốc Trung tâm giao dịch hội sở	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 08/2006 – 02/2007	Tổ trưởng tổ phát triển khách hàng doanh nghiệp lớn	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 12/2005 – 07/2006	Chuyên viên tái thẩm định cao cấp	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 05/2004 – 11/2005	Quyền Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 04/2004 – 05/2004	Phó Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 02/2001 – 03/2004	Trưởng phòng kinh doanh	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/1996 – 04/2000	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 07/1996 – 10/1998	Giảng viên	Đại học Xây dựng Hà Nội

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có.

12.3.10. Ông Trần Xuân Huy – Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 10/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2023 – 10/2023	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)
Từ 01/2016 - 03/2023	Giám đốc Chiến lược và phát triển	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2015 – 12/2015	Cố vấn chiến lược	Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)
Từ 01/2014 – 12/2014	Cố vấn chiến lược	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 06/2012 – 04/2013	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 07/2007 – 06/2012	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 02/2007 – 07/2007	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 10/2006 – 01/2007	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 11/2003 – 10/2006	Thư ký HĐQT	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)
Từ 2000 – 2003	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản Trị
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 325 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.3.11. Ông Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 08/2023 – nay	Giám đốc Tài chính kiêm Giám đốc Khối Nhân sự	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 09/2009 - 08/2023	Giám đốc Tài chính	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 04/2017 – 06/2021	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần hàng không Vietjet
Từ 08/2008 - 09/2009	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 05/2008 - 08/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 03/2005 - 03/2008	Trưởng phòng Kế hoạch	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 11/2002 - 02/2005	Phó phòng kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1999 - 2002	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 1995 - 1999	Chuyên viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Đệ Nhất

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Giám đốc Tài chính kiêm Giám đốc Khối Nhân sự
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 126.266.467 cổ phần, tương ứng 4,3129% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 689.300 cổ phần, tương ứng 0,0235% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

12.3.12. Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên – Kế toán Trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD:
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ

- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
Từ 07/2011 - nay	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 01/2008 - 07/2011	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 12/2006 - 01/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Phú Thọ
Từ 11/2004 - 12/2006	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Lãnh Binh Thăng
Từ 06/2004 - 11/2004	Chuyên viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
Từ 03/2004 - 06/2004	Kiểm soát viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 02/1998 - 03/2004	Thanh toán viên	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần của HDBank mà thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 559.856 cổ phần, tương ứng 0,0191% vốn cổ phần.
- Số lượng cổ phần của HDBank mà những người có liên quan của thành viên sở hữu tại thời điểm 30/09/2024: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với HDBank: được hưởng thù lao theo quy định; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Các khoản nợ đối với HDBank tại thời điểm 30/09/2024: Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm - dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

13. Tài sản**13.1. Tài sản cố định hữu hình****Bảng 48: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Công ty mẹ)**

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	483	146	337	511	158	353	572	174	398
Máy móc thiết bị	315	179	137	366	208	158	408	218	190
Phương tiện vận tải	349	238	111	427	281	146	459	315	144
Thiết bị, dụng cụ quản lý	256	244	12	277	255	22	305	267	38
TSCĐ hữu hình khác	15	12	3	21	13	7	28	15	13
Tổng cộng	1.418	819	599	1.602	916	686	1.772	989	783

Nguồn: HDBank

Bảng 49: Chi tiết tài sản cố định hữu hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	483	147	337	512	159	353	572	174	398
Máy móc thiết bị	315	179	137	366	208	158	408	218	190
Phương tiện vận tải	349	238	111	427	281	146	459	315	144
Thiết bị, dụng cụ quản lý	357	312	44	378	329	49	413	346	67
TSCĐ hữu hình khác	15	12	3	21	13	7	28	15	13
Tổng cộng	1.519	888	632	1.703	990	713	1.880	1.068	812

Nguồn: HDBank

13.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 50: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	12	97	110	14	95	116	16	100
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	531	0	531	591	0	591
Phần mềm máy vi tính	315	268	47	383	308	76	500	340	160
TSCĐ vô hình khác	0,35	0,35	0	1	0,35	0,65	1	0	1
Tổng cộng	956	280	676	1.025	322	703	1.208	356	852

Nguồn: HDBank

Bảng 51: Chi tiết tài sản cố định vô hình (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2022			31/12/2023			30/09/2024		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	110	12	97	110	14	95	116	16	100
Quyền sử dụng đất không thời hạn	531	0	531	531	0	531	591	0	591
Phần mềm máy vi tính	358	306	52	427	347	80	544	380	164
TSCĐ vô hình khác	7	5	3	8	5	3	8	5	3
Tổng cộng	1.006	323	683	1.076	367	710	1.259	401	858

Nguồn: HDBank

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Báo Bạch]

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1 Chỉ tiêu

Bảng 52: Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2025
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2023	
Doanh thu thuần (tỷ Đồng) (*)	22.184	28.237	27%	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, Cấp có thẩm quyền của HDBank chưa phê duyệt và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2025
LNST (tỷ Đồng)	10.336	12.601	22%	
Vốn điều lệ (tỷ Đồng)	29.076	35.101	20,7%	
Vốn chủ sở hữu (tỷ Đồng)	46.400	56.028	21%	
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	47%	45%	-4%	
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	24,2%	24,6%	2%	
Tỷ lệ chia cổ tức	30,0%	30,0%	-	

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 của HDBank phê duyệt)

(*) Là Thu nhập lãi thuần, số liệu cơ sở để HDBank tính toán các chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tổng Giám đốc HDBank do HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2024 HDBank xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:
 - o Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tuân thủ cho vay theo quy định của NHNN và định hướng mục tiêu của HĐQT. Thực hiện chọn lựa, sàng lọc khách hàng tốt và hiệu quả cao để thực hiện cấp tín dụng; gia tăng cho vay khách hàng trong hệ sinh thái, chủ yếu KHCN và SME, đa dạng hóa việc cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung danh mục;
 - o Tập trung huy động vốn dân cư, vốn thị trường 1 cho đầu tư, gia tăng tỷ lệ Casa để tận dụng nguồn vốn giá rẻ;
 - o Khai thác nguồn khách hàng hiện hữu và của hệ sinh thái nhằm gia tăng các sản phẩm dịch vụ của HDBank, gia tăng thu kinh doanh ngoại hối và các hoạt động đầu tư để gia tăng thu dịch vụ và các khoản thu nhập ngoài lãi;

- Kiểm soát tín dụng, thực hiện các biện pháp xử lý để giảm nợ xấu đảm bảo ở mức an toàn, tuân thủ tỷ lệ nợ xấu <2%;
 - Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động;
 - Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, chuyển hình thức kinh doanh đa kênh thành hợp kênh trên nền tảng trực tuyến.
- Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2024
- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024 của ngân hàng;
 - Căn cứ nhu cầu nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng;
 - Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

Kết thúc Quý III/2024, theo số liệu hợp nhất, HDBank đã đạt được 22.654 tỷ đồng thu nhập lãi thuần và 10.011 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt đạt 80,23% và 79,45% kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

14.3 Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, HDBank đã được ĐHĐCĐ thông qua phương án tăng vốn để tăng vốn điều lệ năm 2024. Theo đó, Ngân hàng dự kiến tăng vốn điều lệ lên 35.101 tỷ VND thông qua các hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng (ESOP). Cụ thể:

- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: 29.076.321.320.000 VND, tương ứng 2.892.550.610 cổ phiếu và 15.081.522 cổ phiếu quỹ;
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 6.025.101.220.000 VND, tương ứng 602.510.122 cổ phiếu;
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng: 35.101.422.540.000 VND, tương ứng 3.510.142.254 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cụ thể như sau:

Đối tượng và hình thức phát hành	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa (ĐVT: cổ phiếu)	Giá trị phát hành tối đa dự kiến theo mệnh giá (ĐVT: VND)
Phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng - ESOP (*)	20.000.000	200.000.000.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% (**)	582.510.122	5.825.101.220.000
Tổng cộng	602.510.122	6.025.101.220.000

- Thời gian thực hiện:
 - (*) HDBank đã hoàn tất phát hành 20.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao

động theo văn bản số 1951/UBCK-QLCB ngày 29/03/2024. Ngày 08/10/2024, HDBank đã nhận được quyết định số 2240/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (vốn điều lệ được sửa đổi là 29.276.321.320.000 VND).

- o (***) Ngày 28/10/2024, HDBank đã nhận được văn bản số 8873/NHNN-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc HDBank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 5.825.101.220.000 VND. Theo Nghị quyết HĐQT HDBank số 418/2024/NQ-HĐQT ngày 04/11/2024, việc chia cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến được thực hiện vào Quý 4 năm 2024 sau khi được sự chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Các thủ tục tiếp theo liên quan đến việc tăng vốn dự kiến thực hiện trong Quý 1 năm 2025 (sau khi hoàn thành việc chia cổ tức).

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, SHS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về kế hoạch lợi nhuận của HDBank.

HDBank có mạng lưới chi nhánh, PGD phủ sóng khắp cả nước và song song với đó, Ngân hàng đã bắt kịp xu thế số hóa trong công nghệ ngân hàng để nhanh chóng tận dụng lợi thế đó. Chúng tôi cũng đánh giá cao đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Ngân hàng có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết đối với sự phát triển của HDBank.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của HDBank, SHS cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng dự kiến cho năm 2024 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà Đầu Tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của HDBank.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

16.1. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm 31/10/2024, số dư trái phiếu HDBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 51.261 tỷ Đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 5.000 tỷ Đồng
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 46.261 tỷ Đồng

Bảng 53: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại Trái Phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại 31/12/2023 *	Giá trị tại 31/10/2024 *
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0
	Từ 5 năm trở lên	19.539	30.461
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	9.800	17.300
	Từ 5 năm trở lên	3.500	3.500
Tổng		32.839	51.261

(*) Giá trị trái phiếu được tính theo mệnh giá
 Nguồn: HDBank

16.2. Các cam kết chưa thực hiện khác**Bảng 54: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 30/09/2024 (Hợp nhất)**

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	809
2	Cam kết giao dịch hối đoái	211.766
	Cam kết mua ngoại tệ	1.566
	Cam kết bán ngoại tệ	3.982
	Cam kết giao dịch hoán đổi	206.218
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	12.439
4	Bảo lãnh khác	17.812
5	Các cam kết khác	10.201

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2024 của HDBank

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Trái Phiếu niêm yết

Ngoài thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.16.2 nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, các vụ tranh chấp, kiện tụng mà HDBank tham gia chủ yếu là với tư cách nguyên đơn trong các vụ khởi kiện khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với HDBank nhằm thu hồi nợ và hầu hết HDBank đều bảo toàn được vốn vay với tranh chấp này. Ngoài ra, HDBank cũng tham gia một số vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các vụ án dân sự, hình sự của khách hàng vay của HDBank với tổ chức, cá nhân khác và hầu hết các vụ án này HDBank đều kiểm soát và đảm bảo được quyền lợi và lợi ích hợp pháp của ngân hàng ... Do vậy, theo thông tin và tin tưởng tốt nhất của HDBank, các tranh chấp, kiện tụng này không ảnh hưởng đến quy trình, kết quả phát hành trái phiếu cũng như giá cả trái phiếu niêm yết.

HDB124023

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT**1. Tên Trái Phiếu**

Trái phiếu HDBank phát hành ra công chúng năm 2023 (HDBC7Y202303)

2. Loại Trái Phiếu

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

3. Tính chất Trái Phiếu

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành. Trái Phiếu phát hành trong cùng Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính bị lỗ.
- Trong thời hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- Tổ Chức Phát Hành chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát.

4. Mã Trái Phiếu

Mã Trái Phiếu niêm yết: HDB124023

5. Mệnh giá

Mỗi Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng)

6. Tổng số lượng Trái Phiếu niêm yết dự kiến

10.000.000 (Mười triệu) Trái Phiếu

7. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá dự kiến

1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ Đồng)

8. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Không bị hạn chế chuyển nhượng.

9. Thời Hạn Trái Phiếu

- Ngày Phát Hành: 30/10/2024
- Ngày Đáo Hạn: 30/10/2031
- Thời hạn Trái Phiếu: 07 (bảy) năm

10. Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

Là ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành:

- a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điều 10 c) dưới đây, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại tương ứng với giá mua bằng mệnh giá Trái Phiếu.
- b) Trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và nhận được 100% khoản tiền Gốc do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- c) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điều 10 này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thông báo việc mua lại ("**Thông Báo Mua Lại**") trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ít nhất 15 (mười lăm) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và của VSDC sau khi Trái Phiếu được lưu ký tại VSDC. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà không do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc VSDC hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

11. Xếp hạng tín nhiệm

Không có.

12. Mục đích phát hành Trái Phiếu

HDBank dự kiến sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu này để bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn, phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của HDBank trong năm 2024. Cụ thể như sau:

Dự kiến Phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt 3 (1.000 tỷ Đồng)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Dự kiến Quý III/2024	Dự kiến Quý IV/2024
1	Sản xuất kinh doanh	100	200
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	200	100
3	Thương mại	200	200
Tổng		500	500

Nguồn: HDBank

Thực tế sử dụng vốn thu được từ Đợt 3 (1.000 tỷ Đồng)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Thực tế đã sử dụng (Tháng 11/2024)
1	Sản xuất kinh doanh	300
2	Nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	300
3	Thương mại	400
Tổng		1.000

Nguồn: HDBank

13. Nguồn thanh toán Trái Phiếu

- **Thanh toán Lãi:** Lãi thu được từ các lĩnh vực mà HDBank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của HDBank bị lỗ.
- **Thanh toán Gốc:** HDBank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ gốc/lãi của các khoản vay được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu; và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn

tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của HDBank để thanh toán gốc tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

14. Lãi suất

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu là lãi suất thả nổi tính theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm (hai phẩy tám phần trăm một năm)

Trong đó:

Trong đó, Lãi Suất Tham Chiếu, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, trong trường hợp website thể hiện nhiều địa điểm/khu vực, ưu tiên lấy lãi suất tại địa bàn nơi các Ngân Hàng Tham Chiếu đó đặt hội sở chính. Ngân Hàng Tham Chiếu bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

15. Kỳ trả lãi

Được thanh toán sau, định kỳ vào ngày tròn 01 (một) năm liên tục từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác (nếu có).

16. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
4. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
5. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...);
6. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá Trái Phiếu.

Ví dụ minh họa:

Một trái phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
- Ngày phát hành giả định: 30/10/2024
- Ngày đáo hạn giả định: 30/10/2031
- Lãi suất trái phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu và 2,8%/năm

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày định giá (ngày niêm yết dự kiến): 30/12/2024
- Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 07 kỳ
- Lãi coupon chưa xác định: Dự báo trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động; Lãi suất coupon cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất (năm 1) dự kiến là 7,475% và giả sử lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là 7,475%.
- Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k) = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,8%/năm. Lãi Suất Tham Chiếu giả định tại ngày niêm yết là 4,675%/năm.
- Cơ sở tính ngày (day count convention): Actual/365

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giả sử tại ngày niêm yết dự kiến là 30/12/2024, giá của trái phiếu là:

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7
	30/10/2025	30/10/2026	30/10/2027	30/10/2028	30/10/2029	30/10/2030	30/10/2031
Lãi suất coupon	7,475%	7,475%	7,475%	7,475%	7,475%	7,475%	7,475%
Dòng tiền lãi $CF(i) = CPN \times \frac{số\ ngày\ thực\ tế\ của\ kỳ}{tính\ lãi/365}$	7.475	7.475	7.475	7.495	7.475	7.475	7.475
Gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày nắm giữ	304	669	1.034	1.400	1.765	2.130	2.495
Lãi suất chiết khấu	6,475%	6,475%	6,475%	6,475%	6,475%	6,475%	6,475%

$$PV = \frac{7.475}{(1+6,475\%)^{304/365}} + \frac{7.475}{(1+6,475\%)^{669/365}} + \frac{7.475}{(1+6,475\%)^{1.034/365}} + \frac{7.495}{(1+6,475\%)^{1.400/365}} + \frac{7.475}{(1+6,475\%)^{1.765/365}} + \frac{7.475}{(1+6,475\%)^{2.130/365}} + \frac{107.475}{(1+6,475\%)^{2.495/365}}$$

Tương ứng:

$$PV = 7.094 + 6.663 + 6.258 + 5.892 + 5.519 + 5.183 + 69.993 = 106.602 \text{ VND}$$

17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi nhuận kỳ hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi nhuận (Tỷ suất lợi nhuận) mà Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu khi mua và giữ Trái Phiếu đến hạn. Nói cách khác, YTM bằng với mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu bằng với giá trị ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, Nhà Đầu Tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một trái phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
- Ngày phát hành giả định: 30/10/2024
- Ngày đáo hạn giả định: 30/10/2031

- Lãi suất trái phiếu giả định: 7,475%/năm
- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày giao dịch dự kiến: 30/12/2024
- Giá giao dịch dự kiến: 105.000 đồng/trái phiếu.

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch với giá 105.000 đồng/trái phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất trái phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7
	30/10/2025	30/10/2026	30/10/2027	30/10/2028	30/10/2029	30/10/2030	30/10/2031
Lãi suất (%/năm)	7,475%	7,475%	7,475%	7,475%	7,475%	7,475%	7,475%
Dòng tiền trả lãi CFI	7.475	7.475	7.475	7.495	7.475	7.475	7.475
Dòng tiền gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày tính đến ngày trả lãi	304	669	1.034	1.400	1.765	2.130	2.495

$$105.000 = \frac{7.475}{(1+k)^{304/365}} + \frac{7.475}{(1+k)^{669/365}} + \frac{7.475}{(1+k)^{1.034/365}} + \frac{7.495}{(1+k)^{1.400/365}} + \frac{7.475}{(1+k)^{1.765/365}} + \frac{7.475}{(1+k)^{2.130/365}} + \frac{107.475}{(1+k)^{2.495/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: **k = 6,77%. Do đó YTM = 6,77%**

18. Phương thức thực hiện quyền

Không có

19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết

Tỷ lệ lạm phát là chỉ tiêu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Lạm phát là sự tăng mức giá chung một cách liên tục của hàng hóa và dịch vụ theo thời gian và sự mất giá trị của một loại tiền tệ nào đó. Khi mức giá chung tăng cao, một đơn vị tiền tệ sẽ mua được ít hàng hóa và dịch vụ hơn so với trước đây, do đó, lạm phát phản ánh sự suy giảm sức mua trên một đơn vị tiền tệ. Do đó, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp và ổn định sẽ tạo ra các điều kiện cho chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Chỉ số giá tiêu dùng CPI - Consumer Price Index là chỉ số tính theo phần trăm phản ánh mức thay đổi của giá hàng tiêu dùng theo thời gian và được sử dụng phổ biến để đo lường sự thay đổi của mức giá, tức là lạm phát.

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân đã giảm từ 18,58% năm 2011 xuống ổn định ở mức khoảng 2,97% giai đoạn 2018 - 2023.

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại với hệ số lãi suất dựa trên lợi suất yêu cầu (lãi suất chiết khấu) là lãi suất thị trường kỳ vọng. Do đó, giá trị Trái Phiếu chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm xuống khi lãi suất thị trường tăng và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường trung bình sẽ có xu hướng tăng tương ứng, làm cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm, làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Như vậy, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn của Trái Phiếu không có diễn biến bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình trạng lạm phát và lãi suất do một số nguyên nhân sau:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 1 năm/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, NHNN và Chính Phủ luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

20. Cam kết về bảo đảm

Trái Phiếu không có bảo đảm nên không có cam kết về bảo đảm.

21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với loại Trái Phiếu do HDBank đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu và nắm giữ đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó, có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà Đầu Tư trong nước cho Nhà Đầu Tư nước ngoài.

22. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư, một số Nhà

Đầu Tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ Lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

c) Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

d) Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu nếu không mâu thuẫn.

Để làm rõ, khoản tiền mà HDBank sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền Lãi trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và HDBank không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người sở hữu Trái Phiếu.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]



Handwritten signature

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 - 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888 *Fax:* (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH PwC Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy phép thành lập và hoạt động;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý III năm 2024;
4. **Phụ lục IV:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;
5. **Phụ lục V:** Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

G T
H A
K H
T O
:

u
—

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2024

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CHỦ TỊCH HĐQT

Kim Byounggho

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Quốc Thanh

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Đào Duy Tường

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Phạm Văn Đầu

Handwritten text and red stamp fragments on the right edge of the page, including 'C.T.P', 'CÁN', and 'N'.

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Thành